

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TƯ PHÁP

**50 TÌNH HUỐNG GIẢI – ĐÁP PHÁP LUẬT
VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ
2026 - 2031**

Hưng Yên, tháng 12 năm 2025

TÌNH HUỐNG 01: Xác định quyền bầu cử của người đang chấp hành hình phạt tù nhưng được hưởng án treo

Tình huống chi tiết:

Ông Nguyễn Văn A (50 tuổi) có hộ khẩu thường trú tại phường X, thành phố H. Tháng 01/2025, ông A bị Tòa án nhân dân khu vực Y tuyên phạt 2 năm tù về tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 4 năm, đồng thời Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ hay cấm hành nghề.

Theo dự kiến, tháng 1/2026 Ủy ban nhân dân phường X tiến hành lập danh sách cử tri để chuẩn bị cho ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (dự kiến vào tháng 3/2026). Khi rà soát, cán bộ tư pháp phường X băn khoăn về trường hợp của ông A, ông A có được ghi tên vào danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử hay không? Tổ công tác lập danh sách cử tri của phường X phải xử lý trường hợp này như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri

1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định về nguyên tắc lập danh sách cử tri.

3. Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Như vậy, theo quy định trên, Luật quy định rõ 03 trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri: Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Người đang phải chấp hành hình phạt tù; Người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp của ông A, chúng ta cần phân tích xem ông A có thuộc 1 trong 3 trường hợp nêu trên hay không:

- Trường hợp 1: Bị tước quyền bầu cử: Tình huống nêu rõ Tòa án không áp dụng hình phạt là tước quyền bầu cử. Do đó, ông A không thuộc trường hợp này.

- Trường hợp 2: Mất năng lực hành vi dân sự: Ông A không có thông tin nào cho thấy bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, ông A không thuộc trường hợp này.

- Trường hợp 3: Người đang phải chấp hành hình phạt tù: Đây là mấu chốt của vấn đề. Cần phân biệt rõ giữa “*chấp hành hình phạt tù*” và “*chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo*”. “*Chấp hành hình phạt tù*” (hoặc “*chấp hành án phạt tù*”) theo pháp luật Tố tụng Hình sự và Luật Thi hành án hình sự có nghĩa là người đó đang bị giam giữ, quản lý tại các cơ sở giam giữ (trại giam, trại tạm giam). “*Án treo*” (theo quy định của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP (sửa đổi, bổ sung năm 2022)) là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được áp dụng khi người phạm tội bị phạt tù không quá 3 năm và có các điều kiện khác. Người được hưởng án treo không bị giam giữ mà được giao cho chính quyền địa phương (nơi cư trú) hoặc cơ quan, tổ chức (nơi làm việc) để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Như vậy, ông A là người “*đang trong thời gian thử thách của án treo*”, chứ không phải là người “*đang phải chấp hành hình phạt tù*” (tức là không bị giam giữ).

Căn cứ vào quy định trên, ông Nguyễn Văn A không thuộc các trường hợp bị mất quyền bầu cử. Do đó, ông A có đầy đủ quyền công dân, bao gồm quyền bầu

cử. Trong trường hợp này, Tổ công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân phường X phải ghi tên ông Nguyễn Văn A vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu theo nơi thường trú (hoặc tạm trú nếu ông A đăng ký) của ông, giống như mọi công dân đủ 18 tuổi trở lên khác.

Trong quá trình tuyên truyền, cán bộ phường cần giải thích rõ cho các cử tri khác (nếu có thắc mắc) về sự khác biệt pháp lý giữa “*án treo*” và “*án giam*” để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân và tính chính xác của danh sách cử tri.

TÌNH HUỐNG 02: Xử lý việc ứng cử viên sử dụng mạng xã hội hứa hẹn lợi ích vật chất để vận động bầu cử

Tình huống chi tiết:

Bà Trần Thị B là Giám đốc một doanh nghiệp tư nhân, bà B ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị bầu cử số 3. Trong thời gian vận động bầu cử, ngoài các cuộc tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, bà B còn sử dụng trang Facebook cá nhân (có lượng người theo dõi lớn) để vận động thêm. Trên trang Facebook của mình, bà B đăng tải bài viết với nội dung: “*Nếu tôi, Trần Thị B, trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ này, tôi cam kết sẽ trích 1 tỷ đồng từ quỹ lợi nhuận của công ty tôi để xây dựng 05 căn nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo tại xã M (thuộc đơn vị bầu cử số 3). Rất mong bà con cử tri địa phương ủng hộ, bỏ phiếu cho tôi.*” Bài viết của bà B nhận được nhiều lượt tương tác, trong đó có ý kiến cử tri C (ở xã M) cho rằng việc làm này của bà B là vi phạm pháp luật về bầu cử.

Việc bà B sử dụng Facebook cá nhân hứa hẹn lợi ích vật chất (tiền, nhà tình nghĩa) như trên có vi phạm các quy định về vận động bầu cử không? Nếu có, cơ quan nào chịu trách nhiệm xem xét và xử lý?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 63 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc vận động bầu cử như sau:

1. Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
2. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.
3. Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

Điều 65 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

1. Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định về Hội nghị tiếp xúc cử tri;

2. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

Đồng thời Điều 68 Luật này quy định những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử, bao gồm các hành vi:

1. Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

2. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

3. Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

4. Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Đối với hành vi của bà B:

- Về hình thức vận động (mạng xã hội): Mặc dù Điều 65 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) chỉ liệt kê 2 hình thức chính thức là gặp gỡ, tiếp xúc cử tri và vận động qua phương tiện thông tin đại chúng, việc ứng cử viên sử dụng mạng xã hội cá nhân để thông tin về chương trình hành động của mình (nếu đúng sự thật, không vi phạm điều cấm) là quyền tự do ngôn luận. Tuy nhiên, nội dung vận động trên mạng xã hội vẫn phải tuân thủ tuyệt đối các quy định tại Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) .

- Về nội dung vận động (hứa hẹn lợi ích vật chất): Hành vi của bà B là “cam kết” (hứa hẹn) sẽ “trích 1 tỷ đồng” (tiền, tài sản) để “xây dựng 05 căn nhà tình nghĩa” (lợi ích vật chất). Mục đích của lời hứa này được nêu rõ là để “bà con cử tri... ủng hộ, bỏ phiếu cho tôi”. Đối chiếu với quy định tại Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), hành vi của bà B đã cấu thành đầy đủ dấu hiệu của hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 4 Điều này.

Như vậy, việc bà B dùng tiền của cá nhân hay doanh nghiệp không làm thay đổi bản chất vụ việc. Đây là hành vi dùng lợi ích vật chất để tác động đến lá phiếu,

làm sai lệch ý chí của cử tri, biến cuộc bầu cử thành một hình thức “*mua - bán*” phiếu bầu. Hành vi này vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc “*bình đẳng*” trong bỏ phiếu, vì các ứng cử viên khác không có điều kiện kinh tế sẽ không thể “*hứa hẹn*” tương tự.

Trong trường hợp này, cử tri C (hoặc bất kỳ ai phát hiện) có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi này của bà B. Ủy ban Bầu cử tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (cơ quan tổ chức hiệp thương, theo dõi vận động bầu cử) có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét khiếu nại, tố cáo liên quan đến người ứng cử và quá trình vận động bầu cử. Khi nhận được phản ánh, Ủy ban Bầu cử tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phải xem xét, xác minh thông tin. Tùy theo mức độ vi phạm, các cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban Bầu cử, Hội đồng Bầu cử quốc gia) có thể áp dụng các biện pháp xử lý như: Yêu cầu bà B chấm dứt ngay hành vi vi phạm, gỡ bỏ bài viết; Xem xét, cảnh cáo hoặc thậm chí xóa tên bà B khỏi danh sách ứng cử viên (nếu vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, làm mất uy tín của cuộc bầu cử).

TÌNH HUỐNG 03: Giải quyết việc cử tri muốn bỏ phiếu thay (bầu hộ) cho người nhà bị ốm tại nhà

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 5, phường H. Vào lúc 10 giờ sáng ngày bầu cử, anh Lê Văn T đến Tổ bầu cử. Anh T xuất trình Thẻ cử tri của mình và một Thẻ cử tri khác của mẹ anh là bà Nguyễn Thị K (75 tuổi). Anh T trình bày với Tổ trưởng Tổ bầu cử: “*Mẹ tôi (bà K) bị tai biến, liệt nửa người, hiện đang nằm ở nhà, không thể tự mình đến điểm bỏ phiếu được. Tôi xin đại diện gia đình bỏ phiếu thay cho mẹ tôi, xin Tổ bầu cử cho tôi nhận 2 phiếu bầu (1 của tôi, 1 của mẹ tôi) để thực hiện quyền công dân cho bà.*” Tổ trưởng Tổ bầu cử (ông M) băn khoăn, vì ông M biết rõ hoàn cảnh bà K bị ốm nặng là thật, nhưng không rõ quy định pháp luật cho phép “*bầu thay*” trong trường hợp này không.

Tổ trưởng Tổ bầu cử (ông M) có được phép phát 02 phiếu bầu cho anh T (để anh T bầu thay cho mẹ) hay không? Theo quy định của pháp luật, trường hợp của bà K phải được giải quyết như thế nào để đảm bảo quyền bầu cử?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Nguyên tắc bầu cử ở Việt Nam là phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã cụ thể hóa nguyên tắc “*trực tiếp*” (tự mình bỏ phiếu) tại Điều 69:

1. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

2. Cử tri phải tự mình, đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

5. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

6. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

7. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

8. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Khoản 4 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.”*

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Theo quy định trên, pháp luật nghiêm cấm hành vi “*bầu cử thay*” (bầu hộ). Do đó, yêu cầu của anh T về việc nhận 2 phiếu bầu để bầu thay cho mẹ là không đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp này, bà K (ốm nặng, liệt, không thể đến điểm bỏ phiếu) thuộc đối tượng được áp dụng biện pháp bỏ phiếu tại nhà bằng hòm phiếu phụ. Ông M phải giải thích rõ cho anh T về nguyên tắc “*cử tri phải tự mình bỏ phiếu*” và quy định cấm “*bầu cử thay*”, đồng thời thực hiện giải pháp hòm phiếu phụ: Ông M thông báo cho anh T rằng Tổ bầu cử sẽ cử thành viên mang hòm phiếu phụ đến tận nhà bà K để bà K tự mình thực hiện quyền bầu cử. Tổ bầu cử (theo quy định phải có ít nhất 03 thành viên) chuẩn bị hòm phiếu phụ, phiếu bầu (đã đóng dấu của Tổ bầu cử), danh sách cử tri (phần trích lục những người bầu bằng hòm phiếu phụ) và con dấu. Tổ bầu cử cử 03 thành viên (thường có công an hoặc dân quân tự vệ đi kèm bảo vệ) mang hòm phiếu phụ đến nhà bà K. Tại nhà bà K: Thành viên Tổ bầu cử đối chiếu danh sách, phát phiếu cho bà K. Bà K thực hiện việc bầu cử. (Nếu bà K không thể tự viết phiếu, bà K có thể nhờ anh T hoặc thành viên Tổ bầu cử “*viết hộ*” theo ý muốn của bà K, đảm bảo bí mật). Sau khi bà K gạch phiếu xong, bà K tự mình (nếu có thể) hoặc nhờ người khác (anh T hoặc thành viên Tổ) bỏ phiếu vào hòm phiếu phụ. Tổ bầu cử ghi nhận và cho bà K (hoặc anh T) ký vào danh sách cử tri đã bỏ phiếu.

Sau khi hoàn thành, hòm phiếu phụ được niêm phong (nếu nghi) hoặc mang về điểm bỏ phiếu để bảo quản và kiểm phiếu chung theo quy định.

TÌNH HUỐNG 04: Xác định tư cách cử tri của người đang bị tạm giam

Tình huống chi tiết:

Anh Trần Văn B (30 tuổi) bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam vào ngày 20/01 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Anh B bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh K, đóng trên địa bàn xã A, tỉnh C. Dự kiến tháng 2, Ủy ban nhân dân xã A (nơi Trại tạm giam đóng) tiến hành lập danh sách cử tri cho ngày bầu cử vào tháng 5. Tổ lập danh sách cử tri băn khoăn: Anh B có phải là cử tri không? Vì ông B đang bị tạm giam để điều tra. Nếu anh B là cử tri, thì cơ quan nào (Ủy ban nhân dân xã A hay Trại tạm giam) có trách nhiệm lập danh sách và tổ chức cho anh B bỏ phiếu? Pháp luật quy định như thế nào về quyền bầu cử của người đang bị tạm giam như anh B? Việc lập danh sách cử tri và tổ chức bầu cử cho ông B được thực hiện ra sao?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri:

1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án,

người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định về nguyên tắc lập danh sách cử tri.

3. Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Như vậy, theo quy định trên, Luật quy định rõ 03 trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri: Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Người đang phải chấp hành hình phạt tù; Người mất năng lực hành vi dân sự.

Khoản 5 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): *“Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.”*

Về lập danh sách cử tri, khoản 1 Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.”*

Về tổ chức bỏ phiếu khoản 4 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.”*

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Phân tích trường hợp anh B: Anh B đang bị *“tạm giam”* để điều tra, chưa bị Tòa án xét xử và kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, anh B không phải là người *“đang phải chấp hành hình phạt tù”* (chỉ chấp hành hình phạt tù khi có bản án). Anh B cũng không thuộc trường hợp bị tước quyền bầu cử hay mất năng lực hành vi dân sự. Như vậy, trong trường hợp này, ông B vẫn có đầy đủ quyền công dân, bao gồm quyền bầu cử. Trường hợp này, anh B có quyền bầu cử và phải được ghi tên vào danh sách cử tri, để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh K. Trách nhiệm lập danh sách cử tri cho anh B thuộc về Ủy ban nhân dân xã A (nơi có Trại tạm giam đóng). Trại tạm giam Công an tỉnh K có trách nhiệm phối hợp, cung cấp danh sách những người đang bị tạm giam, tạm giữ tại đơn vị cho Ủy ban nhân dân xã A.

Như vậy, trong trường hợp này, anh Trần Văn B có quyền bầu cử và phải được ghi tên vào danh sách cử tri. Trại tạm giam Công an tỉnh K có trách nhiệm hải lập danh sách những người đang bị tạm giam, tạm giữ tại đơn vị (như anh B) và gửi cho Ủy ban nhân dân xã A để lập danh sách cử tri chung. Ủy ban nhân dân xã A có trách nhiệm ghi tên anh B vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi Trại tạm giam đóng quân. Vào ngày bầu cử, Tổ bầu cử xã A phải sử dụng hòm phiếu phụ, cử ít nhất 03 thành viên, phối hợp với lãnh đạo Trại tạm giam mang hòm phiếu phụ, phiếu bầu và danh sách cử tri đến tận buồng giam (hoặc nơi bố trí tập trung) để anh B và các cử tri khác thực hiện quyền bỏ phiếu, đảm bảo an toàn, an ninh và đúng luật.

TÌNH HUỐNG 05: Xác định tư cách ứng cử của người đã có án tích nhưng đã được xóa

Tình huống chi tiết:

Ông Nguyễn Văn H, 45 tuổi, hiện là Giám đốc một công ty TNHH. Ông H có uy tín tại địa phương và dự kiến làm hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Quá trình xem xét hồ sơ và chuẩn bị cho hội nghị hiệp thương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh nhận được đơn thư (nặc danh) phản ánh rằng ông H không đủ tư cách vì “*đã từng có tiền án*”. Xác minh thông tin cho thấy: Năm 2010 (khi 30 tuổi), ông H bị Tòa án nhân dân huyện X tuyên phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Ông H đã chấp hành xong bản án và thời gian thử thách. Năm 2015, ông H đã làm thủ tục và được Tòa án ra quyết định xóa án tích (có giấy chứng nhận xóa án tích). Kể từ đó đến nay, ông H chấp hành tốt pháp luật, làm ăn uy tín và tích cực tham gia công tác xã hội.

Tại hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú (Hội nghị Hiệp thương vòng hai), một số cử tri băn khoăn, cho rằng người đại biểu của nhân dân phải có lý lịch “*trong sạch*”, việc ông H từng bị kết án (dù đã được xóa) vẫn cho thấy “*vấn đề về đạo đức*” và đề nghị không giới thiệu ông H vào danh sách ứng cử.

Ông H muốn biết việc ông đã từng có án tích (nhưng đã được xóa) có phải là yếu tố pháp lý cản trở ông ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không? Ủy ban Bầu cử và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh phải xử lý trường hợp này như thế nào khi xem xét đưa ông H vào danh sách ứng cử chính thức?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Tiêu chuẩn của người ứng cử được quy định tại Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) như sau:

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Luật tổ chức Quốc hội.

2. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng

phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

đ) Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;

e) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) gồm có:

1. Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

2. Người đang bị khởi tố bị can.

3. Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

4. Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.

5. Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, đặc khu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trường hợp của ông H, ông đã chấp hành xong bản án (án treo) từ lâu và quan trọng nhất là ông đã được Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích vào năm 2015. Theo quy định tại Bộ luật Hình sự, khi đã được xóa án tích, ông H “*coi như chưa bị kết án*” về mặt pháp lý. Do đó, ông H không thuộc bất kỳ trường hợp nào bị cấm ứng cử quy định tại Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Về mặt hồ sơ pháp lý, ông H hoàn toàn đủ điều kiện nộp hồ sơ ứng cử.

Về mặt tín nhiệm (phẩm chất đạo đức): Vấn đề cử tri nêu ra (lý lịch “*trong sạch*”, “*vấn đề đạo đức*”) thuộc về phạm trù “*tín nhiệm*” của cử tri và tiêu chuẩn “*phẩm chất đạo đức tốt*”. Việc ông H từng bị kết án (dù đã được xóa) là một thông tin thực tế. Cử tri có quyền được biết (nếu ông H minh bạch) và có quyền bày tỏ sự tín nhiệm hoặc không tín nhiệm của mình tại hội nghị lấy ý kiến cử tri. Đây chính là ý nghĩa của quy trình Hiệp thương do Ủy ban Mặt trận tổ quốc chủ trì, đánh giá không chỉ hồ sơ pháp lý (do Ủy ban Bầu cử thẩm định) mà còn đánh giá cả sự phù hợp, uy tín thực tế trong nhân dân.

Trong trường hợp này, về mặt pháp lý, việc ông H đã được xóa án tích đồng nghĩa với việc ông H “*coi như chưa bị kết án*”. Do đó, việc này không phải là yếu tố pháp lý cản trở ông H ứng cử. Ông H đủ điều kiện nộp hồ sơ và được xem xét theo quy trình. Khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban Bầu cử chỉ căn cứ vào Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nếu hồ sơ của ông H đầy đủ và có giấy chứng nhận xóa án tích hợp lệ, Ủy ban Bầu cử không có quyền loại ông H khỏi danh sách sơ bộ vì lý do ông H từng có tiền án. Đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (Tổ chức Hiệp thương): Mặt trận tổ quốc phải giải thích rõ cho cử tri tại hội nghị lấy ý kiến về quy định của pháp luật rằng ông H đã được xóa án tích coi như chưa bị kết án. Tuy nhiên, Mặt trận tổ quốc phải tôn trọng ý kiến của cử tri. Ý kiến của cử tri (cả đồng ý và không đồng ý) phải được ghi nhận đầy đủ, trung thực vào biên bản hội nghị. Tại Hội nghị Hiệp thương vòng hai và vòng ba, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh sẽ báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến cử tri nơi cư trú (bao gồm cả các ý kiến bản khoản về quá khứ của ông H). Dựa trên kết quả biểu quyết tín nhiệm của cử tri nơi cư trú và nơi công tác, cùng với sự thảo luận, đánh giá của các thành viên Hội nghị Hiệp thương, Hội nghị sẽ quyết định (bằng hình thức biểu quyết) việc có tiếp tục giới thiệu ông H vào danh sách ứng cử hay không.

Tóm lại, pháp luật không cấm ông H ứng cử. Tuy nhiên, việc ông H có được vào danh sách ứng cử chính thức hay không còn phụ thuộc vào kết quả tín nhiệm của cử tri và quyết định của Hội nghị Hiệp thương (do Mặt trận tổ quốc chủ trì).

TÌNH HUỐNG 06: Xác định nơi bỏ phiếu của sinh viên ngoại tỉnh đang tạm trú tại thành phố

Tình huống chi tiết:

Em Trần Văn N (19 tuổi), có hộ khẩu thường trú tại xã Y, tỉnh T. Em N hiện là sinh viên năm thứ hai của Trường Đại học B, thành phố H. Em N đăng ký tạm trú tại một nhà trọ ở phường K, thành phố H. Đến đợt lập danh sách cử tri, em N nhận thấy tại xã Y (nơi thường trú), gia đình báo vẫn có tên N trong danh sách cử tri dự kiến niêm yết của xã. Đồng thời, tại phường K (nơi tạm trú), tổ dân phố cũng yêu cầu N nộp thông tin để lập danh sách cử tri là sinh viên, người lao động tạm trú.

Em N thắc mắc: Theo quy định, em N phải bỏ phiếu ở đâu (ở quê hay ở nơi tạm trú)? Em N có thể có tên trong cả hai danh sách cử tri (ở xã Y và phường K) không? Nếu N muốn bỏ phiếu tại thành phố H (nơi đang học) thì cần làm thủ tục gì để không bị trùng lặp?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 1, 2 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

Khoản 3 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”*

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, em N được quyền lựa chọn bỏ phiếu ở nơi thường trú (xã Y, tỉnh T) hoặc nơi tạm trú (phường K, thành phố H). Ngoài ra, em N là sinh viên năm thứ hai, rất có thể thời gian tạm trú tại phường K đã trên 12 tháng. Nếu N đã tạm trú trên 12 tháng, N cũng thuộc trường hợp được ghi tên tại nơi tạm trú (phường K) để thực hiện quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại chính nơi mình đang sinh sống, học tập.

Nguyên tắc cơ bản của bầu cử là *“Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”* (để đảm bảo mỗi người chỉ bỏ 1 lá phiếu) nên N không được phép bầu cử ở cả hai nơi. Việc em N thấy tên mình ở cả hai nơi chỉ là trong giai đoạn *dự kiến lập danh sách* (rà soát). Trước khi niêm yết danh sách chính thức, Ủy ban nhân dân cấp xã (phường K và xã Y) phải phối hợp để xác định N chỉ bỏ phiếu ở 01 nơi duy nhất.

Nếu N muốn bỏ phiếu tại thành phố H (nơi đang học), em phải chủ động báo cáo với cơ quan lập danh sách cử tri tại nơi mình đang tạm trú (cụ thể là Ủy ban

nhân dân phường K, hoặc thông qua chủ nhà trọ/tổ dân phố) về nguyện vọng được bỏ phiếu tại phường K, thành phố H. Khi lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân phường K phải tiếp nhận thông tin của N (và các sinh viên, người tạm trú khác). Ủy ban nhân dân phường K phải ghi tên N vào danh sách cử tri của phường, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân xã Y (nơi thường trú của N) biết rằng em N đã được ghi tên vào danh sách cử tri tại phường K. Khi nhận được thông báo từ phường K (hoặc thông qua gia đình N báo lại là N đã đăng ký ở nơi tạm trú), Ủy ban nhân dân xã Y phải xóa tên em N khỏi danh sách cử tri của xã Y. Trong danh sách cử tri niêm yết tại xã Y, ở tên của N phải ghi chú rõ là “*Bỏ phiếu ở nơi khác*” hoặc “*Đã đăng ký tại nơi tạm trú*”.

TÌNH HUỐNG 07: Xử lý tình huống cử tri gạch hồng phiếu bầu và yêu cầu đổi phiếu khác

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 8, phường A. Bà Mai Thị P (65 tuổi) là cử tri đi bầu cử. Sau khi nhận phiếu bầu và vào buồng viết phiếu, bà P do tuổi cao, mắt kém và không đọc kỹ hướng dẫn, đã có hai nhầm lẫn: Đối với phiếu bầu đại biểu Quốc hội (bầu 3 trong 5 ứng cử viên), bà P lại gạch tên 3 người. Đối với phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (bầu 2 trong 3), bà P lại gạch tên cả 3 ứng cử viên (gạch hết). Khi gần bỏ phiếu vào hòm, bà P nhận ra mình làm sai và cảm thấy hoang mang. Bà P cầm 02 phiếu bị gạch sai quay lại bàn của Tổ bầu cử, trình bày rằng mình đã gạch hồng và đề nghị Tổ bầu cử đổi cho bà 02 phiếu mới (phiếu bầu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh).

Một thành viên trong Tổ bầu cử (anh K) cho rằng: “*Nguyên tắc là bí mật, phiếu đã vào tay cử tri thì không ai được xem. Giờ bà P mang ra là mất bí mật rồi. Hơn nữa, phát phiếu mới sẽ gây thất thoát, không khớp số lượng.*” Anh K đề nghị bà P cứ bỏ phiếu đã gạch hồng vào hòm.

Bà P muốn biết yêu cầu đổi phiếu bầu mới của bà có chính đáng không? Anh K (thành viên Tổ bầu cử) xử lý như vậy là đúng hay sai? Tổ trưởng Tổ bầu cử phải giải quyết tình huống này như thế nào cho đúng luật?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 6 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “*Nếu viết hồng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.*”

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Yêu cầu của bà P có chính đáng không?

Yêu cầu của bà P hoàn toàn chính đáng. Cả hai phiếu của bà P đều bị “hông”. Phiếu bầu đại biểu Quốc hội: Bà P bầu thiếu số lượng. Nếu bỏ vào, phiếu này vẫn có thể hợp lệ. Tuy nhiên, bà P nhận ra mình làm sai ý muốn (muốn bầu 3 người) thì vẫn được coi là “hông” theo ý chí chủ quan của cử tri. Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Bà P gạch cả 3 người. Phiếu này chắc chắn là không hợp lệ (theo điểm d, khoản 1, Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “*Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử*”). Do cả hai phiếu đều không phản ánh đúng ý chí của bà P (bị hông), căn cứ khoản 6 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), bà P có đầy đủ quyền yêu cầu được đổi phiếu mới.

- Anh K xử lý đúng hay sai?

Anh K xử lý như vậy là hoàn toàn sai và không nắm vững nghiệp vụ bầu cử. Việc bà P tự mang phiếu ra (để yêu cầu đổi) là bà tự nguyện, không phải Tổ bầu cử ép buộc. Việc này không vi phạm nguyên tắc bí mật. Trách nhiệm của Tổ bầu cử là đổi phiếu và hướng dẫn bà vào lại buồng viết phiếu để đảm bảo bí mật cho lần viết thứ hai. Khi kiểm phiếu, tổng số phiếu phát ra = (số phiếu trong hòm) + (số phiếu hông bị thu hồi) + (số phiếu chưa sử dụng). Việc đổi phiếu không gây thất thoát nếu làm đúng quy trình. Việc anh K đề nghị bà P bỏ phiếu vào hòm là hành vi tước đoạt quyền bầu cử hợp pháp của bà P.

Tổ trưởng Tổ bầu cử (hoặc thành viên được phân công) phải xử lý như sau:

- Đồng ý đổi phiếu: Thông báo cho bà P rằng yêu cầu của bà là chính đáng và Tổ bầu cử sẽ đổi phiếu mới cho bà theo đúng quy định.

- Thu hồi phiếu hông: Yêu cầu bà P giao lại 02 phiếu đã bị gạch hông (phiếu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Xử lý phiếu hông: Ngay lập tức, thành viên Tổ bầu cử phải tiến hành vô hiệu hóa 02 phiếu hông này trước sự chứng kiến của bà P (và các thành viên khác) bằng cách: Gạch chéo phiếu (hoặc đóng dấu "PHIẾU HÔNG" theo hướng dẫn nghiệp vụ). Thu giữ 02 phiếu hông này, để vào một phong bì riêng (hoặc nơi quy định riêng), tuyệt đối không được bỏ vào hòm phiếu. Số phiếu hông này sẽ được kiểm kê và niêm phong riêng khi kết thúc bỏ phiếu.

- Phát phiếu mới: Phát cho bà P 02 phiếu bầu mới (01 phiếu đại biểu Quốc hội, 01 phiếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh) có đóng dấu của Tổ bầu cử.

- Ký nhận (Nếu cần): Để đảm bảo việc kiểm soát số lượng phiếu phát ra, Tổ bầu cử nên yêu cầu bà P ký nhận vào danh sách cử tri (cột ghi chú) rằng “đã nhận lại phiếu bầu lần 2 do hông” (hoặc theo mẫu nghiệp vụ).

- Hướng dẫn cử tri: Hướng dẫn bà P quay trở lại buồng viết phiếu để thực hiện lại việc gạch phiếu, nhắc nhở bà đọc kỹ hướng dẫn (số lượng được bầu) trước khi gạch.

TÌNH HUỐNG 08: Xử lý đơn thư tố cáo ứng cử viên ngay tại phòng bỏ phiếu trong ngày bầu cử

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 4, phường T, thành phố X. Vào lúc 15 giờ ngày bầu cử, khi các cử tri vẫn đang bỏ phiếu, bà Nguyễn Thị Q (cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu này) đến gặp Tổ trưởng Tổ bầu cử (ông V). Bà Q cầm theo một tập hồ sơ và tỏ thái độ rất bức xúc, trình bày: *“Tôi tố cáo ông Trần Văn H (một ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đang có tên trên phiếu bầu) có hành vi tham nhũng, nhận hối lộ tại cơ quan X. Đây là toàn bộ bằng chứng. Đề nghị Tổ bầu cử lập biên bản, đình chỉ ngay việc bầu cử có tên ông H, hoặc xóa tên ông H khỏi phiếu bầu vì ông này không còn đủ tư cách”*. Tổ trưởng V rất lúng túng, vì ông H là nhân vật có tiếng tăm và việc tố cáo xảy ra ngay trong ngày bầu cử có thể gây xáo trộn lớn đến an ninh trật tự tại điểm bỏ phiếu.

Vậy, yêu cầu *“đình chỉ”* hoặc *“xóa tên”* ứng cử viên H ngay lập tức của bà Q có được pháp luật cho phép không? Tổ trưởng Tổ bầu cử V phải xử lý đơn tố cáo và yêu cầu của bà Q như thế nào cho đúng quy trình, đúng pháp luật?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về việc khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử như sau:

1. Công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị được thực hiện như sau:

a) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng;

b) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi tới Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban

bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định, cuối cùng;

c) Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nhận được theo thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

3. Không xem xét, giải quyết đối với những đơn tố cáo không có họ, tên người tố cáo hoặc mạo danh người khác để tố cáo.

4. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ủy ban bầu cử ở xã chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban thường vụ Quốc hội (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Việc bà Q yêu cầu “*đình chỉ*” hoặc “*xóa tên*” ông H ra khỏi danh sách bầu cử là không thể thực hiện được trong ngày bầu cử. Danh sách ứng cử viên chính thức đã được Hội đồng Bầu cử quốc gia (nếu là đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban Bầu cử cấp tỉnh/xã (nếu là đại biểu Hội đồng nhân dân) ấn định. Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được lập công bố chậm nhất là 17 ngày trước ngày bầu cử. Phiếu bầu đã được in và phát ra dựa trên danh sách chính thức này. Các khiếu nại, tố cáo liên quan đến tư cách ứng cử viên (như tố cáo tham nhũng) phải được giải quyết xong trước ngày bầu cử 10 ngày. Việc bà Q tố cáo trong ngày bầu cử được coi là quá thời hạn để xem xét thay đổi danh sách ứng cử viên. Tên của ông H vẫn hợp pháp trên phiếu bầu. Tổ bầu cử không có thẩm quyền và không có căn cứ pháp lý để xóa tên hay đình chỉ việc bầu cử ông H.

Tổ trưởng V không được quyền lơ đi, cũng không được quyền tự ý xử lý, mà phải thực hiện đúng chức năng “*tiếp nhận và chuyển*”. Tổ trưởng V phải bình tĩnh, mời bà Q ra khu vực riêng (tránh gây ồn ào, xáo trộn) để làm việc, có sự chứng kiến của Thư ký và một thành viên khác (ví dụ: đại diện an ninh). Tổ trưởng V tiếp nhận đơn và hồ sơ của bà Q. Việc tiếp nhận này thể hiện sự tôn trọng cử tri và tuân thủ quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổ trưởng V phải giải thích rõ cho bà Q: Việc tố cáo của bà sẽ được tiếp nhận đầy đủ. Tuy nhiên, theo quy định, thời hạn

xem xét tư cách ứng cử viên đã hết. Tổ bầu cử không có thẩm quyền giải quyết việc “xóa tên” hay “đình chỉ”. Cuộc bầu cử vẫn phải tiếp tục diễn ra bình thường theo luật định. Nếu bà Q yêu cầu, Tổ bầu cử lập biên bản về việc tiếp nhận đơn tố cáo, ghi rõ thời gian, người tố cáo, nội dung tóm tắt, và các tài liệu kèm theo. Biên bản này chỉ ghi nhận sự việc “*tiếp nhận*”, không phải biên bản “*giải quyết*”. Tổ trưởng V phải báo cáo ngay (qua điện thoại hoặc phương tiện nhanh nhất) cho *Ban Bầu cử* phường và *Ủy ban Bầu cử* phường về sự việc. Ngay sau đó, Tổ bầu cử phải thực hiện việc “*chuyển*” toàn bộ đơn thư, hồ sơ của bà Q lên Ủy ban Bầu cử phường T.

Ủy ban Bầu cử phường T sau khi nhận được sẽ chuyển đơn tố cáo (về hành vi tham nhũng của ông H) đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo Luật Tố cáo, luật Phòng chống tham nhũng (ví dụ: Ủy ban Kiểm tra, Thanh tra, Cơ quan Điều tra). Kết quả giải quyết này (nếu ông H có tội) sẽ là căn cứ để xử lý tư cách đại biểu của ông H sau khi trúng cử (nếu ông H trúng cử), chứ không phải để ngăn chặn việc bầu cử đang diễn ra.

TÌNH HUỐNG 09: Xử lý chênh lệch số phiếu tại hòm phiếu so với số cử tri đã bỏ phiếu

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 10 (phường A), 19 giờ 00 tối ngày bầu cử, Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu (có sự chứng kiến của 02 cử tri không phải là ứng cử viên). Khi kiểm đếm sơ bộ, Tổ bầu cử phát hiện một vấn đề nghiêm trọng: Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu (ký tên hoặc điểm chỉ vào danh sách): 1.200 người. Tổng số phiếu bầu (cho mỗi loại phiếu) do Tổ bầu cử phát ra: 1.200 phiếu. Tuy nhiên, khi mở hòm phiếu và kiểm đếm tổng số phiếu thu về (cho từng loại): Số phiếu bầu đại biểu Quốc hội trong hòm: 1.205 phiếu. Số phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong hòm: 1.205 phiếu. Như vậy, tại hòm phiếu, số phiếu thu về (1.205) lại nhiều hơn số cử tri đã nhận phiếu (1.200), chênh lệch 05 phiếu. Tình huống này gây hoang mang cho cả Tổ bầu cử và người chứng kiến.

Trong trường hợp này, nguyên nhân chênh lệch có thể do đâu? Kết quả kiểm phiếu tại khu vực bỏ phiếu số 10 có bị hủy không? Tổ bầu cử phải xử lý việc chênh lệch 05 phiếu này như thế nào theo đúng quy định?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều g khoản 2 Điều 25 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Tổ bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn “*Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng*”

Điều 73 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc kiểm phiếu: *“Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và phải mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu. Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu.”*

Các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Hội đồng Bầu cử quốc gia qua các thời kỳ, trong đó có nội dung hướng dẫn việc kiểm phiếu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, nguyên nhân chênh lệch: Việc số phiếu trong hòm (1.205) nhiều hơn số cử tri đã ký nhận (1.200) là vi phạm nguyên tắc *“mỗi cử tri chỉ nhận 01 phiếu”*. Nguyên nhân có thể do:

- Lỗi của Tổ bầu cử (phổ biến nhất): Trong quá trình phát phiếu, thành viên Tổ bầu cử đã vô tình (do đông đúc, nhầm lẫn) phát 02 phiếu (hoặc 01 phiếu dính đôi) cho một số cử tri.

- Gian lận (Nghiêm trọng): Có hành vi cố ý bỏ thêm phiếu (không hợp pháp) vào hòm phiếu. Đây là hành vi phá hoại bầu cử.

Trong mọi trường hợp, Tổ bầu cử không được tự ý thực hiện các hành vi: Tự ý rút bừa 05 phiếu ra khỏi chõng phiếu để hủy hoặc *“làm tròn”* số liệu trong biên bản cho khớp (ví dụ sửa số 1.200 thành 1.205).

Ngay khi phát hiện chênh lệch (tổng phiếu trong hòm > tổng cử tri đã bầu), Tổ bầu cử phải dừng việc kiểm đếm chi tiết. Tổ trưởng phải lập một biên bản riêng (hoặc ghi rõ trong biên bản kiểm phiếu chung) về sự cố này. Biên bản phải nêu rõ: Tổng số cử tri đã bầu (ký danh sách): 1.200; Tổng số phiếu (từng loại) đếm được trong hòm: 1.205; Chênh lệch: Thừa 05 phiếu (cho mỗi loại); Biên bản phải có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký và 02 cử tri chứng kiến.

Báo cáo khẩn cấp: Tổ trưởng Tổ bầu cử phải báo cáo ngay lập tức (bằng phương tiện nhanh nhất) sự việc lên Ban Bầu cử (cấp quản lý trực tiếp đơn vị bầu cử đó) và Ủy ban Bầu cử (cấp phường A).

Chờ chỉ đạo của cấp trên: Tổ bầu cử phải giữ nguyên trạng toàn bộ 1.205 phiếu bầu và niêm phong (nếu được yêu cầu) chờ ý kiến chỉ đạo. Ban Bầu cử và Ủy ban Bầu cử cấp trên sẽ xem xét mức độ nghiêm trọng. Theo hướng dẫn nghiệp vụ (của Hội đồng Bầu cử quốc gia qua các thời kỳ), nếu xảy ra trường hợp này (phiếu trong hòm nhiều hơn số cử tri đã phát phiếu), Tổ bầu cử phải báo cáo và chờ Ban Bầu cử. Ban Bầu cử có thể quyết định (nếu chênh lệch không lớn và không có dấu hiệu gian lận) thì cho phép Tổ bầu cử tiếp tục kiểm phiếu (kiểm tra hợp lệ, kiểm

đếm cho từng ứng viên) trên tổng số 1.205 phiếu đó; Toàn bộ kết quả (số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, phiếu cho từng ứng viên) sẽ được tính trên cơ sở 1.205 phiếu; Tuy nhiên, biên bản kiểm phiếu vẫn phải ghi rõ sự chênh lệch (đã bầu 1.200, trong hòm 1.205).

Việc chênh lệch 05 phiếu không tự động làm hủy kết quả bỏ phiếu tại khu vực này, miễn là sự chênh lệch này được ghi nhận trung thực. Kết quả chỉ bị hủy nếu Ủy ban Bầu cử cấp trên hoặc Hội đồng Bầu cử quốc gia xác định rằng sự chênh lệch này là do “*vi phạm pháp luật nghiêm trọng*” (ví dụ: có bằng chứng về việc cố ý bỏ phiếu gian lận) và làm thay đổi kết quả bầu cử.

TÌNH HUỐNG 10: Xác định “*Bầu cử lại*” và “*Bầu cử thêm*”

Tình huống chi tiết:

Sau ngày bầu cử, Ủy ban Bầu cử tỉnh K tổng hợp kết quả tại 02 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Tại đơn vị bầu cử số 1: Số lượng đại biểu được ấn định bầu: 03 đại biểu; Số ứng cử viên: 05 người; Tổng số cử tri đi bỏ phiếu: 45.000/100.000 cử tri trong danh sách (Chỉ đạt 45% tỷ lệ cử tri đi bầu); Kết quả (giả định): 3 ứng cử viên A, B, C đều đạt trên 50% số phiếu hợp lệ (của 45.000 người đi bầu).

2. Tại đơn vị bầu cử số 2: Số lượng đại biểu được ấn định bầu: 03 đại biểu; Số ứng cử viên: 05 người; Tổng số cử tri đi bỏ phiếu: 85.000/100.000 cử tri (Đạt 85% tỷ lệ cử tri đi bầu); Kết quả kiểm phiếu: Ứng cử viên M: 80% (trúng cử), ứng cử viên N: 65% (trúng cử), ứng cử viên P: 48% (không trúng cử, vì < 50%), ứng cử viên Q: 45% (không trúng cử), ứng cử viên R: 30% (không trúng cử). Kết quả, đơn vị bầu cử số 2 chỉ bầu được 02 đại biểu, thiếu 01 đại biểu so với số lượng ấn định.

Trong trường hợp này, Ủy ban Bầu cử tỉnh K phải xử lý 02 trường hợp trên như thế nào? Trường hợp nào là “*Bầu cử lại*” và trường hợp nào là “*Bầu cử thêm*”? Thủ tục tổ chức (nếu có) sẽ khác nhau ra sao?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 78 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc xác định người trúng cử

1. Kết quả bầu cử được tính, trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

2. Người trúng cử phải là người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ.

3. Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn.

4. Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Điều 79 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về bầu cử thêm như sau:

1. Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Quốc hội chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử ở tỉnh đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

2. Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

3. Trong trường hợp bầu cử thêm thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên nhưng không trúng cử. Người trúng cử là người được quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ và có số phiếu bầu cao hơn. Nếu bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai.

Điều 80 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về bầu cử lại như sau:

1. Trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp đó.

2. Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri.

3. Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định ngày bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong

danh sách cử tri sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

4. Trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Đối với đơn vị bầu cử số 1: Tỷ lệ cử tri đi bầu là 45%. Đối chiếu với quy định tại Điều 80 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), con số này không đạt quá một nửa (dưới 50%) tổng số cử tri trong danh sách. Vậy trường hợp này phải thực hiện bầu cử lại.

- Đối với đơn vị bầu cử số 2: Tỷ lệ cử tri đi bầu là 85% (cao hơn 50%), do đó không phải bầu cử lại. Cuộc bầu cử thành công về tỷ lệ. Số lượng trúng cử (M, N) là 02 người. Số lượng ấn định là 03 người. Đối chiếu với quy định tại Điều 79 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), trường hợp này là số đại biểu trúng cử chưa đủ số lượng. Vậy trường hợp này phải thực hiện bầu cử thêm.

- Đối với đơn vị bầu cử số 1: Ủy ban Bầu cử tỉnh K phải hủy bỏ toàn bộ kết quả của cuộc bầu cử đầu tiên tại đơn vị bầu cử số 1 (kể cả việc A, B, C đạt >50% cũng không có ý nghĩa). Ủy ban Bầu cử tỉnh K phải báo cáo Ủy ban Bầu cử Trung ương (Hội đồng Bầu cử quốc gia) và ấn định ngày bầu cử lại (chậm nhất 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên). Trong cuộc bầu cử lại, danh sách ứng cử viên vẫn là 05 ứng cử viên cũ (A, B, C, và 2 người còn lại). Tất cả 100.000 cử tri của đơn vị bầu cử số 1 sẽ đi bỏ phiếu lại từ đầu để bầu 03 đại biểu. Nếu bầu cử lại mà tỷ lệ vẫn dưới 50% thì không tổ chức bầu lại lần thứ ba.

- Đối với đơn vị bầu cử số 2: Ủy ban Bầu cử tỉnh K công nhận kết quả và tư cách trúng cử của ông M và bà N. Để bầu 01 suất đại biểu còn thiếu, Ủy ban Bầu cử tỉnh K quyết định tổ chức bầu cử thêm 01 đại biểu. Ngày bầu cử thêm được ấn định chậm nhất 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Danh sách ứng cử viên cho cuộc bầu cử thêm sẽ là những người đã ứng cử lần đầu nhưng không trúng cử. Cụ thể là: Ông P, Bà Q, và Ông R. Cử tri tại đơn vị bầu cử số 2 sẽ đi bỏ phiếu một lần nữa, nhưng lần này họ chỉ chọn 01 người trong 03 ứng cử viên (P, Q, R). Người nào đạt số phiếu cao nhất (và trên 50%) sẽ trúng cử.

TÌNH HUỐNG 11: Xác định quyền bầu cử của người lao động có tạm trú dưới 12 tháng

Tình huống chi tiết:

Anh Trần Văn B (30 tuổi) có hộ khẩu thường trú tại xã A, tỉnh X. Tháng 10/2025, anh B chuyển đến làm công nhân tại Khu công nghiệp và đăng ký tạm trú tại phường M, thành phố H.

Ngày bầu cử (dự kiến tháng 3/2026), anh B mới đăng ký tạm trú tại phường M được 05 tháng. Khi Ủy ban nhân dân phường M lập danh sách cử tri, anh B có nguyện vọng được bỏ phiếu tại phường M (nơi tạm trú) vì anh không có điều kiện về quê (tỉnh X) để bỏ phiếu. Tuy nhiên, cán bộ lập danh sách của phường M băn khoăn, vì theo quy định, cử tri tạm trú phải “từ 12 tháng trở lên” mới được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi tạm trú.

Trong trường hợp này, cán bộ phường M hiểu rằng anh B (tạm trú 05 tháng) không được bỏ phiếu tại phường M là đúng hay sai? Nếu anh B được bỏ phiếu tại phường M, anh B sẽ được nhận những loại phiếu bầu nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc lập danh sách cử tri như sau:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp là người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Cán bộ phường M hiểu đúng hay sai?

Cán bộ phường M hiểu sai quy định của pháp luật. Việc hiểu rằng “*phải đủ 12 tháng mới được*” là chỉ áp dụng cho quyền bầu cử đầy đủ (cả 3 cấp). Pháp luật (và các văn bản hướng dẫn) luôn tạo điều kiện tối đa để công dân thực hiện quyền bầu cử. Đối với người tạm trú dưới 12 tháng (như anh B), nếu họ có nguyện vọng (chủ động đề nghị) được bỏ phiếu tại nơi tạm trú, Ủy ban nhân dân cấp xã (phường M) vẫn phải ghi tên họ vào danh sách cử tri.

- Anh B được nhận những phiếu bầu nào?

Do anh B mới tạm trú 05 tháng (chưa đủ 12 tháng), anh B chưa có sự gắn bó lâu dài và chưa am hiểu sâu sắc các vấn đề của cấp cơ sở (phường M). Nếu anh B được ghi tên vào danh sách cử tri tại phường M (theo nguyện vọng), anh B sẽ chỉ được phát 02 loại phiếu bầu: Phiếu bầu đại biểu Quốc hội (Khóa mới); Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố H (Cấp tỉnh nơi anh tạm trú). Anh B sẽ không được phát phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân phường M (Cấp xã nơi anh tạm trú).

Cán bộ phường M phải tiếp nhận đề nghị của anh B và ghi tên anh B vào danh sách cử tri của phường M. Cán bộ phường M thực hiện cấp cho anh B “*Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác*” (hoặc theo mẫu quy định) để anh B gửi về gia đình, nộp cho Ủy ban nhân dân xã A (tỉnh X) để xóa tên anh B trong danh sách cử tri ở quê (đảm bảo nguyên tắc mỗi người chỉ có 01 tên trong danh sách). Trong danh sách cử tri niêm yết tại phường M, tại cột “*Ghi chú*” của anh B, phải ghi rõ: “*Chỉ bầu đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*” (để Tổ bầu cử khi phát phiếu không bị nhầm lẫn).

TÌNH HUỐNG 12: Ứng cử viên xin rút tên sau khi đã in phiếu bầu

Tình huống chi tiết:

Tại đơn vị bầu cử số 3 (Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh), có 05 ứng cử viên (A, B, C, D, E) để bầu chọn 03 đại biểu. Danh sách chính thức đã được niêm yết và phiếu bầu đã được in xong (còn 7 ngày nữa là đến ngày bầu cử).

Bất ngờ, vào ngày 18/3 (cách ngày bầu cử 1 ngày), ứng cử viên C nộp đơn lên Ủy ban Bầu cử tỉnh, xin rút khỏi danh sách ứng cử viên với lý do “*sức khỏe đột ngột diễn biến xấu, không đủ khả năng đảm nhiệm nếu trúng cử*”. Ủy ban bầu cử tỉnh xác minh thấy lý do sức khỏe của ông C là có thật (có bệnh án của bệnh viện cấp tỉnh). Phiếu bầu đã được in và chuyển về các xã. Việc in lại phiếu là không thể kịp thời.

Trong trường hợp này, Ủy ban Bầu cử tỉnh có chấp nhận cho ông C rút tên không? Nếu chấp nhận, Ủy ban bầu cử tỉnh phải xử lý như thế nào khi phiếu bầu đã in tên ông C? Nếu cử tri vẫn gạch tên ông C (do không biết thông tin) thì phiếu đó có hợp lệ không và có kiểm phiếu cho ông C không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 60 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

1. Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điểm g khoản 2 Điều 23 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Ủy ban bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn “*Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình*”.

Hướng dẫn nghiệp vụ qua các kỳ bầu cử về việc xin rút tên khỏi danh sách ứng cử, xóa tên người ứng cử...

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Ủy ban bầu cử tỉnh có chấp nhận cho ông C rút tên không?

UBBC tỉnh có thẩm quyền xem xét cho ông C được rút tên. Nếu UBBC xem xét lý do (sức khỏe) là chính đáng và đồng ý cho rút tên trước ngày bầu cử, thì UBBC phải thông báo rộng rãi. Các Tổ bầu cử, khi kiểm phiếu, sẽ không tính phiếu bầu cho người đã xin rút (dù cử tri có bầu). Nhưng, nếu UBBC không đồng ý (ví dụ lý do không chính đáng), thì người đó vẫn là ứng cử viên, và phiếu bầu vẫn được tính bình thường.

- Xử lý phiếu bầu đã in?

Vì phiếu đã in và không thể thu hồi/in lại, Ủy ban bầu cử tỉnh không tiến hành in lại phiếu. Tên ông C vẫn còn trên phiếu. Nhiệm vụ bắt buộc của Ủy ban bầu cử tỉnh là phải ra thông báo hỏa tốc và Ủy ban nhân dân các xã (thuộc đơn vị bầu cử số 3) thông báo rộng rãi bằng mọi hình thức (loa phát thanh, thông báo tại phòng bỏ phiếu) cho cử tri biết: *“Ông Trần Văn C, do lý do sức khỏe, đã được Ủy ban bầu cử tỉnh chấp thuận cho rút tên khỏi danh sách ứng cử viên.”*

Tại phòng bỏ phiếu: Tổ bầu cử phải niêm yết thông báo này tại nơi dễ thấy nhất. Khi phát phiếu, nếu cần, Tổ bầu cử có thể nhắc nhở cử tri về thông tin này.

- Xử lý phiếu bầu cho ông C nếu Ủy ban bầu cử chấp thuận cho ông C rút tên?

Vì ông C đã được Ủy ban bầu cử chấp thuận cho rút tên, nên ông C không còn là ứng cử viên hợp lệ. Khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử khi kiểm đếm số phiếu cho từng người, sẽ không tính (không đếm) số phiếu bầu cho ông C (nếu cử tri vẫn gạch tên ông C). Phiếu bầu đó (nếu chỉ bầu cho ông C và những người khác hợp lệ) vẫn là phiếu hợp lệ, nhưng số phiếu bầu cho ông C thì không được ghi nhận. Trong biên bản kiểm phiếu: Tại dòng của ông C, Tổ bầu cử ghi rõ: *“Xin rút tên theo Quyết định số... của Ủy ban bầu cử tỉnh”* và ghi số phiếu = 0 (hoặc gạch ngang).

TÌNH HUỐNG 13: Xử lý tranh chấp khi xác định phiếu bầu không hợp lệ

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 5 (xã K), Tổ bầu cử đang tiến hành kiểm phiếu (có 02 cử tri chứng kiến là ông A và bà B). Khi kiểm tra một phiếu bầu Hội đồng nhân dân cấp xã (được bầu 03 đại biểu, có 05 ứng cử viên), Thư ký (người kiểm phiếu) phát hiện phiếu này có tình trạng: Cử tri gạch tên 02 ứng cử viên; Bầu 03 ứng cử viên còn lại; Tuy nhiên, tại tên của một ứng cử viên (ông X) mà cử tri này không gạch (tức là bầu), cử tri lại dùng bút khoanh tròn vào tên ông X. Tổ trưởng Tổ bầu cử (ông T) cho rằng: *“Cử tri này khoanh tròn, tức là đánh dấu đặc biệt, làm lộ bí mật. Đây là phiếu không hợp lệ.”* Người chứng kiến (ông A) phản đối: *“Không phải, khoanh tròn là họ muốn nhấn mạnh việc bầu ông X. Họ gạch 2 người, bầu 3 người là đúng số lượng, không có ký hiệu lạ. Phiếu này hợp lệ. Hai bên tranh cãi.”*

Căn cứ pháp luật, phiếu bầu bị *“khoanh tròn”* vào tên người được bầu có bị coi là không hợp lệ không? Trong trường hợp có tranh cãi giữa Tổ bầu cử và người chứng kiến, ai là người có quyền quyết định cuối cùng? Thủ tục giải quyết là gì?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 73 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về việc kiểm phiếu:

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và phải mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu.

Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu.

Điều 73 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về phiếu bầu không hợp lệ:

1. Những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:

- a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- c) Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

2. Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

Điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 quy định: *“Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu”*.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này “*Gạch*” (gạch chéo, gạch ngang, gạch đè) lên tên người không bầu là hành vi được hướng dẫn thống nhất. “*Khoanh tròn*” vào tên người được bầu là một hành vi không được thực hiện. Theo tinh thần chung của nghiệp vụ bầu cử, bất kỳ ký hiệu nào khác ngoài việc “*gạch*” tên người không bầu đều có thể bị xem là đánh dấu riêng hoặc ghi thêm nội dung khác. Như vậy, hành vi “*khoanh tròn*” tên ứng cử viên là hành vi không đúng quy định. Mặc dù ý chí của

cử tri có thể là “*nhấn mạnh*”, nhưng về mặt hình thức, đây bị coi là hành vi vi phạm. Do đó, quan điểm của Tổ trưởng T cho rằng phiếu này không hợp lệ là có cơ sở pháp lý và đúng nghiệp vụ.

Ông A có vai trò là “*chứng kiến*”, “*giám sát*”. Ông A có quyền đưa ra ý kiến, thắc mắc, phản đối khi thấy có dấu hiệu sai sót hoặc không rõ ràng (như ông A đã làm). Quyền quyết định cuối cùng không thuộc về người chứng kiến. Theo quy định tại khoản Điều 73 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Điều này có nghĩa là Tổ trưởng T không được tự quyết định, mà phải đưa phiếu đó ra cho tất cả các thành viên Tổ bầu cử (Thư ký, các ủy viên) cùng xem xét. Tổ bầu cử sẽ biểu quyết (hoặc thống nhất) để quyết định phiếu này là hợp lệ hay không hợp lệ. Quyết định theo đa số của Tổ bầu cử là quyết định cuối cùng.

Thủ tục giải quyết cụ thể như sau: Tổ trưởng T đưa phiếu tranh chấp ra. Ý kiến của ông T (Không hợp lệ). Ý kiến của ông A (Hợp lệ). Các thành viên khác trong Tổ bầu cử cho ý kiến và biểu quyết. Giả sử Tổ bầu cử thống nhất (theo ý ông T) là không hợp lệ. Thư ký Tổ bầu cử phải ghi rõ sự việc này vào biên bản kiểm phiếu: “*Có 01 phiếu bầu Hội đồng nhân dân xã, cử tri khoanh tròn tên ứng cử viên X. Tổ bầu cử đã họp và thống nhất kết luận đây là phiếu không hợp lệ (đánh dấu riêng). Cử tri chứng kiến (ông A) có ý kiến khác, đề nghị công nhận hợp lệ.*” Phiếu bầu này sẽ được xếp vào tệp “*Phiếu không hợp lệ*” và được niêm phong riêng.

TÌNH HUỐNG 14: Tổ chức bầu cử tại bệnh viện dã chiến

Tình huống chi tiết:

Do tình hình dịch bệnh (ví dụ: dịch cúm, dịch bệnh truyền nhiễm mới...), tỉnh P phải thiết lập 01 Bệnh viện dã chiến tại Sân vận động xã H. Vào ngày bầu cử, Bệnh viện dã chiến xã H có 150 bệnh nhân (từ 18 tuổi), 40 y bác sĩ, nhân viên phục vụ. Trong 150 bệnh nhân, có 100 người là người dân xã H, 50 người là dân các xã, phường khác trong tỉnh P. Những người này (bệnh nhân, nhân viên y tế) không thể rời khỏi khu vực để về nơi thường trú/tạm trú của họ để bỏ phiếu.

Trong trường hợp này, việc tổ chức bầu cử cho các công dân này được thực hiện như thế nào để đảm bảo quyền bầu cử và an toàn phòng dịch? Họ sẽ bỏ phiếu cho các ứng cử viên của địa phương nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc lập danh sách cử tri như sau:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Khoản 4 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định một trong các nguyên tắc bầu cử là *“Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.”*

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Nguyên tắc chung, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có Bệnh viện dã chiến (tức là Ủy ban nhân dân xã H) chịu trách nhiệm lập danh sách cử tri và tổ chức cho các công dân này bỏ phiếu bằng hòm phiếu phụ.

Ủy ban nhân dân xã H chỉ đạo Ban điều hành Bệnh viện dã chiến lập danh sách toàn bộ 190 người (150 bệnh nhân + 40 y, bác sỹ, nhân viên) đủ 18 tuổi. Danh sách này phải chia rõ: 100 bệnh nhân + 40 nhân viên (giả sử thường trú/tạm trú tại xã H); và 50 bệnh nhân từ các xã, phường khác.

Đối với 140 người dân xã H: Được phát đủ 03 phiếu bầu (Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh P, đại biểu Hội đồng nhân dân xã H - nếu Bệnh viện dã chiến lập điểm bỏ phiếu riêng).

Đối với 50 người xã, phường khác: Họ chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri tại Bệnh viện dã chiến (xã H) để bầu Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh P. Họ không được bầu Hội đồng nhân dân xã H. (Ủy ban nhân dân xã H phải thông báo cho quê của 50 người này để xóa tên họ ở nhà).

Việc tổ chức bỏ phiếu được thực hiện như sau: Ủy ban nhân dân xã H ra quyết định thành lập một Tổ bầu cử đặc biệt (hoặc giao cho một Tổ bầu cử lân cận phụ trách). Tổ bầu cử này (gồm các thành viên đã được trang bị bảo hộ phòng dịch) sẽ sử dụng hòm phiếu phụ mang đến tận Bệnh viện dã chiến. Việc bỏ phiếu được tổ chức theo từng buồng bệnh (nếu bệnh nhân nặng) hoặc tại một khu vực chung (nếu bệnh nhân nhẹ) nhưng phải đảm bảo giãn cách, khử khuẩn và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình phòng dịch.

TÌNH HUỐNG 15: Quyền bầu cử của người đang bị tạm giam, tạm giữ

Tình huống chi tiết:

Tại Nhà Tạm giữ Công an tỉnh G, vào thời điểm lập danh sách cử tri, có 02 trường hợp đang bị tạm giam, tạm giữ: Ông Trần Văn M (35 tuổi): Đang bị tạm giam để điều tra về tội “*Cố ý gây thương tích*”, ông M có hộ khẩu thường trú tại tỉnh C; Anh Lê Văn K (22 tuổi): Đang bị tạm giữ hành chính 3 ngày về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*”, anh K có hộ khẩu thường trú tại tỉnh X.

Cán bộ tư pháp của phường B (nơi có Nhà Tạm giam) được phân công phối hợp lập danh sách cử tri tại đây. Cán bộ này băn khoăn: Ông M (bị tạm giam hình sự) và anh K (bị tạm giữ) có phải là “*người đang chấp hành hình phạt tù*” (bị mất quyền bầu cử theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) hay không? Họ có được ghi tên vào danh sách cử tri không? Nếu có, họ sẽ được tổ chức bỏ phiếu như thế nào và bỏ phiếu cho các ứng cử viên của địa phương nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri

1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định về nguyên tắc lập danh sách cử tri.

3. Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Khoản 4 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định một trong các nguyên tắc bầu cử là *“Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu*

đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.”

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định rõ 03 trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri: Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Người đang phải chấp hành hình phạt tù; Người mất năng lực hành vi dân sự.

“Tạm giam”, “tạm giữ” là các biện pháp ngăn chặn, điều tra trong tố tụng hình sự hoặc biện pháp xử lý hành chính, không phải là *“chấp hành hình phạt tù”* (hình phạt tù chỉ áp dụng khi đã có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật). Do đó, cả ông M (tạm giam) và anh K (tạm giữ) đều không thuộc các trường hợp bị cấm bầu cử tại Điều 30. Họ vẫn là công dân và vẫn có quyền bầu cử theo nguyên tắc *“suy đoán vô tội”*.

Ông M và anh K được ghi tên vào danh sách cử tri, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 29, Ủy ban nhân dân phường B (nơi có Nhà Tạm giữ) phải phối hợp với Ban Giám thị Nhà Tạm giữ để lập danh sách cử tri cho ông M và anh K ngay tại cơ sở giam giữ.

Tổ chức bỏ phiếu của ông M và anh K được thực hiện như sau: Nếu số lượng đồng, đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân phường B có thể quyết định cho Nhà Tạm giữ là một *“khu vực bỏ phiếu riêng”* (theo Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)). Nếu không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng, thì Tổ bầu cử của phường B (nơi gần nhất) sẽ chịu trách nhiệm. Vào ngày bầu cử, Tổ bầu cử (có ít nhất 3 người) sẽ mang hòm phiếu phụ, phiếu bầu (đã đóng dấu), danh sách cử tri (đã lập) đến Nhà Tạm giữ để tổ chức cho ông M, anh K (và các trường hợp tương tự) bỏ phiếu.

Ông M và anh K sẽ được bầu: Đại biểu Quốc hội (theo đơn vị bầu cử của phường B). Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh G (cấp tỉnh). Họ sẽ không được bầu Đại biểu Hội đồng nhân dân phường B (cấp xã) vì họ không phải là công dân thường trú/tạm trú đủ 12 tháng tại phường. Ngay sau khi lập danh sách ông M và anh K tại phường B, Ủy ban nhân dân phường B phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân nơi thường trú của ông M và của anh K để xóa tên họ khỏi danh sách cử tri ở quê nhà, tránh trùng lặp.

TÌNH HUỐNG 16: Ứng cử viên tự ứng cử tự ý tổ chức vận động bầu cử riêng

Tình huống chi tiết:

Bà Nguyễn Thị X là người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Bà X đã vượt qua 3 vòng hiệp thương và có tên trong danh sách ứng cử viên chính thức tại đơn vị bầu cử số 2. Theo Kế hoạch của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, tại đơn vị bầu cử số 2 sẽ tổ chức 03 hội nghị tiếp xúc cử tri (do Ủy ban Mặt trận tổ quốc chủ trì) để 05 ứng cử viên gặp gỡ và trình bày chương trình hành động.

Ngoài 03 cuộc tiếp xúc chính thức này, bà X cho rằng thời gian tiếp xúc quá ít, không đủ để cử tri hiểu rõ về mình. Bà X quyết định: Tự thuê hội trường tại một khách sạn, gửi giấy mời 200 cử tri là doanh nhân, trí thức đến dự “*Hội nghị trình bày chương trình hành động*” do bà X tự tổ chức. Sử dụng trang Fanpage (có chạy quảng cáo) của công ty bà X để đăng tải các video vận động và kêu gọi “*hãy bỏ phiếu cho ứng cử viên X*”. Một ứng cử viên khác (ông Y) trong cùng đơn vị bầu cử cho rằng việc làm của bà X là vi phạm nguyên tắc bình đẳng và vi phạm quy định về vận động bầu cử.

Trong trường hợp này, các hình thức vận động bầu cử (tự thuê hội trường, chạy quảng cáo Fanpage) của bà X có hợp pháp không? Ông Y phản ánh có đúng không? Cơ quan nào có thẩm quyền xem xét, chấn chỉnh hành vi này?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 65 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định các việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

1. Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định tại [Điều 66 của Luật này](#);

2. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 67 của Luật này.

Điều 66 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về Hội nghị tiếp xúc cử tri:

1. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc căn cứ điều kiện thực tế có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực

tuyển. Việc tiếp xúc cử tri trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến chỉ được thực hiện khi bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về hình thức, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, điểm truy cập trực tuyến để cử tri tham dự đông đủ.

2. Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung sau đây:

a) Tuyên bố lý do;

b) Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử;

c) Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm;

đ) Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

3. Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Điều 67 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về Vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng:

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

3. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Pháp luật quy định rất rõ ràng và giới hạn các hình thức vận động bầu cử hợp pháp để đảm bảo sự công bằng.

- Đối với hành vi tự thuê hội trường tổ chức hội nghị riêng: Hành vi này trái quy định pháp luật. Theo quy định, hình thức gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hợp pháp duy nhất là hội nghị do Ủy ban Mặt trận tổ quốc chủ trì tổ chức. Pháp luật không cho phép ứng cử viên (dù là được giới thiệu hay tự ứng cử) tự ý tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri riêng.

- Đối với hành vi chạy quảng cáo Fanpage: Hành vi này cũng là hành vi trái quy định của pháp luật. Hình thức vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng được quy định tại Điều 67 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), là việc đăng tải chương trình hành động trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình... do Ủy ban Bầu cử, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, sắp xếp công bằng. Việc bà X tự ý “*chạy quảng cáo*” (tức là dùng tiền để tăng mức độ tiếp cận) trên mạng xã hội (Facebook) là hành vi vận động cá nhân, không nằm trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Như vậy, trong trường hợp này, cả hai hình thức vận động bầu cử của bà X (tổ chức hội nghị riêng và chạy quảng cáo Facebook) đều không hợp pháp. Phản ánh của ông Y là hoàn toàn chính xác. Ông Y (hoặc cử tri) có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi này của bà X tới Ủy ban Bầu cử tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh (cơ quan chủ trì vận động bầu cử) và Ủy ban Bầu cử tỉnh (cơ quan phụ trách chung) phải ngay lập tức xem xét, yêu cầu bà X chấm dứt ngay các hành vi vi phạm (hủy bỏ hội nghị riêng, dừng quảng cáo). Tùy thuộc vào mức độ, nếu bà X cố tình vi phạm, Ủy ban bầu cử tỉnh có thể xem xét các hình thức xử lý nghiêm khắc hơn, thậm chí là đề nghị xóa tên khỏi danh sách ứng cử viên (nếu vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng).

TÌNH HUỐNG 17: Xử lý khi hết giờ bỏ phiếu nhưng vẫn còn cử tri xếp hàng

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 7 (phường N), thời gian bỏ phiếu được ấn định là từ 07 giờ 00 đến 19 giờ 00 (7 giờ tối) ngày Chủ Nhật. Vào lúc 19 giờ 00, Tổ trưởng Tổ bầu cử (ông P) ra trước cửa phòng bỏ phiếu và tuyên bố: *“Đã hết giờ bỏ phiếu theo quy định. Đề nghị bà con không đến nữa. Tổ bầu cử xin được đóng cửa để chuẩn bị kiểm phiếu.”*

Tuy nhiên, tại thời điểm đó, bên trong sân của nhà văn hóa (khu vực bỏ phiếu), vẫn còn khoảng 30 cử tri đang xếp hàng chờ đến lượt. Những người này đã đến từ lúc 18 giờ 45 - 18 giờ 50, nhưng do số lượng cử tri dồn về cuối ngày đông nên họ chưa kịp bỏ phiếu. Một số cử tri trong hàng (30 người) phản đối, cho rằng họ đã đến trước 19 giờ 00 và yêu cầu được bỏ phiếu. Ông P lúng túng, vì ông P cho rằng luật quy định 19 giờ 00 là kết thúc.

Trong trường hợp này, việc ông P tuyên bố *“đóng cửa”* và không cho 30 cử tri đang xếp hàng (đã đến trước 19:00) được bỏ phiếu là đúng hay sai? Tổ bầu cử phải xử lý tình huống này như thế nào cho đúng luật?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 1 Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định *“Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.”*

Quy định này cho phép Tổ bầu cử có thể chủ động thông báo trước về việc kéo dài thời gian (ví dụ: do mưa bão) đến 21 giờ.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Hành vi của ông P là sai. Mặc dù 19 giờ 00 là thời điểm kết thúc việc tiếp nhận cử tri mới nhưng 30 cử tri đang xếp hàng trong sân nhà văn hóa, đã đến trước 19 giờ 00, được xác định là đã có mặt tại phòng bỏ phiếu. Việc từ chối quyền bỏ phiếu của họ là vi phạm quyền bầu cử hợp pháp của công dân.

Trong trường hợp này, Tổ trưởng Tổ bầu cử P phải thực hiện các bước sau:

- Đúng 19 giờ 00, ông P (hoặc thành viên Tổ bầu cử, phối hợp với lực lượng an ninh) đi ra phía cuối cùng của hàng 30 người đang xếp.
- Ông P tuyên bố công khai: *“Đã đến giờ kết thúc bỏ phiếu. Tổ bầu cử sẽ ngừng tiếp nhận các cử tri mới đến. Tuy nhiên, toàn bộ 30 cử tri đã có mặt và đang xếp hàng sẽ được Tổ bầu cử đảm bảo bỏ phiếu xong.”*
- Tổ bầu cử tiếp tục quy trình phát phiếu và hướng dẫn cho 30 cử tri này (và những cử tri khác nếu vẫn còn trong phòng bỏ phiếu) thực hiện việc bỏ phiếu cho đến người cuối cùng.

- Sau khi người cử tri cuối cùng trong 30 người đó đã bỏ phiếu vào hòm, Tổ bầu cử mới tuyên bố chính thức kết thúc hoàn toàn việc bỏ phiếu và tiến hành niêm phong hòm phiếu (nếu kiểm phiếu nơi khác) hoặc đóng hòm phiếu để chuẩn bị kiểm phiếu tại chỗ.

- Khi lập Biên bản kết thúc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải ghi rõ thời gian kết thúc thực tế (ví dụ: 19 giờ 25 phút).

TÌNH HUỐNG 18: Xử lý trường hợp người trúng cử bị phát hiện sử dụng bằng giả

Tình huống chi tiết:

Sau ngày bầu cử, Ủy ban Bầu cử tỉnh G công bố kết quả: Ông Nguyễn Văn A trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh G, với tỷ lệ phiếu đạt 75%. Tuy nhiên, 05 ngày sau khi công bố kết quả (và trước kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới), Ủy ban bầu cử tỉnh G nhận được kết luận chính thức từ Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (dựa trên đơn tố cáo được xác minh từ trước) khẳng định: Ông Nguyễn Văn A đã sử dụng Bằng Tốt nghiệp Đại học giả (Bằng Đại học X) để kê khai trong hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc ông A sử dụng bằng giả là vi phạm tiêu chuẩn về trình độ (theo quy định) và vi phạm tính trung thực, vi phạm pháp luật.

Trong trường hợp này, mặc dù ông A đã trúng cử (về số phiếu), tư cách đại biểu của ông A sẽ được xử lý như thế nào? Cơ quan nào có thẩm quyền ra quyết định cuối cùng về việc xác nhận tư cách đại biểu của ông A? Việc ông A không được công nhận có dẫn đến “*bầu cử thêm*” không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định tiêu chuẩn của người ứng cử như sau:

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Luật tổ chức Quốc hội.

2. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) quy định tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội như sau:

1. Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1a. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.

4. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

5. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

đ) Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;

e) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Khoản 2 Điều 88 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên.

Khoản 2 Điều 79 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Trong cuộc bầu cử đầu tiên,

nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Tư cách đại biểu của ông A sẽ bị xử lý thế nào?

Ông A sẽ không được xác nhận tư cách đại biểu. Mặc dù Ủy ban bầu cử tỉnh G đã công bố ông A trúng cử dựa trên kết quả kiểm phiếu, nhưng kết quả đó chưa phải là quyết định cuối cùng. Kết luận của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (về việc dùng bằng giả) là căn cứ pháp lý vững chắc cho thấy ông A không đáp ứng “*Tiêu chuẩn đại biểu*” ngay từ khi làm hồ sơ.

- Cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận tư cách đại biểu của ông A?

Theo quy định đã nêu, Ủy ban bầu cử tỉnh G có thẩm quyền xác nhận tư cách đại biểu của ông A

- Có tổ chức “*bầu cử thêm*” không?

“*Bầu cử thêm*” chỉ được tổ chức “*nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử*”. Trong trường hợp này, tại đơn vị bầu cử của ông A, đã bầu đủ số lượng (ông A và các ông/bà khác đã trúng). Việc ông A sau đó bị tước tư cách (không được xác nhận) được coi là một “*khuyết tật*” của cá nhân đại biểu đó. Hội đồng nhân dân tỉnh G sẽ hoạt động với số lượng đại biểu ít hơn (khuyết 1 người) trong suốt nhiệm kỳ, hoặc xử lý theo quy định về khuyết đại biểu (nếu có), chứ không tổ chức bầu cử lại hay bầu cử thêm để bù vào vị trí của ông A.

TÌNH HUỐNG 19: Xác định nơi bỏ phiếu và quyền bầu cử của quân nhân

Tình huống chi tiết:

Binh nhì Nguyễn Văn A (19 tuổi), có hộ khẩu thường trú tại xã Y, tỉnh T. Anh A nhập ngũ và hiện đang phục vụ tại Tiểu đoàn B, Quân đoàn C, đóng quân trên địa bàn phường K, tỉnh G (khác tỉnh nơi anh A thường trú). Khi Ủy ban nhân dân phường K (nơi đơn vị đóng quân) tiến hành lập danh sách cử tri, chỉ huy Tiểu đoàn B cung cấp danh sách 200 chiến sĩ (trong đó có anh A) để lập danh sách cử tri tại đơn vị. Gia đình anh A ở quê (xã Y, tỉnh T) cũng thấy tên anh A vẫn có trong danh sách cử tri dự kiến niêm yết tại xã Y.

Trong trường hợp này, theo quy định, anh A sẽ bỏ phiếu ở đâu (tại quê nhà hay tại đơn vị đóng quân)? Nếu anh A bỏ phiếu tại đơn vị (tỉnh G), anh A sẽ được nhận những loại phiếu bầu nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 3 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Về mặt luật, quân nhân có quyền lựa chọn. Tuy nhiên, trong thực tiễn công tác bầu cử (để đảm bảo 100% quân nhân tại ngũ thực hiện quyền) và theo các hướng dẫn nghiệp vụ của Hội đồng Bầu cử quốc gia các thời kỳ: Các đơn vị vũ trang nhân dân (quân đội, công an) có trách nhiệm lập danh sách cử tri là quân nhân của đơn vị mình. Danh sách này được chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đơn vị đóng quân để đưa vào danh sách cử tri chung của khu vực bỏ phiếu, hoặc được tổ chức thành khu vực bỏ phiếu riêng (nếu đủ điều kiện). Do đó, việc Tiểu đoàn B (nơi anh A đóng quân) lập danh sách 200 chiến sĩ nộp cho phường K (tỉnh G) là đúng quy trình để tổ chức cho chiến sĩ bỏ phiếu tại đơn vị.

- Anh A bỏ phiếu ở đâu?

Anh A sẽ bỏ phiếu tại nơi đóng quân (tức là tại khu vực bỏ phiếu thuộc phường K, tỉnh G). Ủy ban nhân dân phường K (tỉnh G) sau khi ghi tên anh A (và 199 chiến sĩ khác) vào danh sách cử tri, có trách nhiệm thông báo (hoặc cấp giấy chứng nhận) cho Tiểu đoàn B. Tiểu đoàn B (hoặc anh A) thông báo về gia đình tại xã Y (tỉnh T). Ủy ban nhân dân xã Y (tỉnh T) khi nhận được thông tin anh A đã được ghi tên tại nơi đóng quân, phải xóa tên anh A khỏi danh sách cử tri tại quê nhà (đảm bảo nguyên tắc mỗi người chỉ 1 tên, 1 phiếu).

- Anh A được nhận những loại phiếu bầu nào?

Khi anh A (quê tỉnh T) được lập danh sách cử tri tại phường K (tỉnh G) theo diện quân nhân, anh A được coi là cử tri của tỉnh G. Tuy nhiên, phạm vi bầu cử (các cấp Hội đồng nhân dân) của anh A phụ thuộc vào việc anh A có hộ khẩu tại đó hay không. Trong trường hợp này, anh A được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội (của tỉnh G) và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (của tỉnh G). Các chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn B (nơi anh A đóng quân) không được bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (phường K), trừ trường hợp họ là người có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn (trên 12 tháng) tại khu vực đóng quân.

TÌNH HUỐNG 20: Cử tri viết thêm tên người khác (ngoài danh sách) vào phiếu bầu

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 3 (phường M), Tổ bầu cử đang tiến hành kiểm phiếu. Khi kiểm tra một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (bầu 03 trong 05 ứng cử viên A, B, C, D, E), Tổ kiểm phiếu phát hiện một phiếu lạ: Cử tri này dùng bút gạch tên cả 05 ứng cử viên (A, B, C, D, E). Đồng thời, cử tri này viết thêm tên “*Ông Nguyễn Văn H (Tổ trưởng tổ dân phố)*” vào khoảng trống cuối phiếu và khoanh tròn tên ông H. Tổ kiểm phiếu băn khoăn, không biết phiếu này được xử lý thế nào? Đây là phiếu không hợp lệ hay hợp lệ (nhưng không bầu cho ai)?

Trong trường hợp này, theo quy định của pháp luật, phiếu bầu trên được xác định là hợp lệ hay không hợp lệ? Vì sao?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 1 Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định **những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:**

- a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- c) Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 quy định về nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu, trong đó quy định: Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Phiếu bầu của cử tri này vi phạm cả hai điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nêu trên và được coi là phiếu không hợp lệ:

- Vi phạm điểm d khoản 1 Điều 74: Theo quy định, một phiếu bầu đã “*gạch xóa hết tên những người ứng cử*” (tức là không thể hiện ý chí bầu cho bất kỳ ai trong danh sách hợp lệ) thì bị coi là phiếu không hợp lệ. Lưu ý: Cần phân biệt “*gạch hết*” (không hợp lệ) và “*bầu thiếu*” (vẫn hợp lệ). Ví dụ: bầu 3 mà cử tri chỉ bầu 1 người (gạch 4 người) thì phiếu đó vẫn hợp lệ.

- Vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 74: Hành vi cử tri viết thêm tên “*Ông Nguyễn Văn H*” vào phiếu bầu là không đúng quy định. Pháp luật bầu cử quy định cử tri chỉ được lựa chọn trong số các ứng cử viên đã được hiệp thương và có tên trong danh sách chính thức (được in sẵn trên phiếu), không có cơ chế bầu người ngoài danh sách. Bất kỳ hành vi nào viết thêm tên, câu chữ, ký hiệu (không phải là gạch) đều bị mặc nhiên coi đó là phiếu không hợp lệ.

Trong trường hợp này, khi kiểm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử giờ phiếu này lên (cho cả Tổ và người chứng kiến xem), thông báo rõ lý do phiếu không hợp lệ (Gạch hết tên và viết thêm tên người khác). Phiếu này sẽ được xếp vào tập “*Phiếu bầu không hợp lệ*”. Khi lập biên bản kiểm phiếu, số phiếu này sẽ được thống kê vào mục “*Tổng số phiếu không hợp lệ*”.

TÌNH HUỐNG 21: Cử tri yêu cầu bỏ phiếu thay cho người nhà (bầu hộ) vì lý do bận đi làm

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 12 (xã A). Chị Nguyễn Thị H (40 tuổi) đến phòng bỏ phiếu. Chị H xuất trình 02 Thẻ cử tri (của chị H và của chồng chị là anh Lê Văn G, 42 tuổi) và 02 căn cước công dân. Chị H đề nghị với Tổ bầu cử: “*Chồng tôi (anh G) là tài xế xe tải đường dài, hôm nay chạy chuyến hàng gấp lên Lạng Sơn, không về kịp. Anh ấy nhờ tôi đi bầu hộ. Đề nghị Tổ bầu cử phát 02 bộ phiếu bầu (cho tôi và cho anh G) để tôi thực hiện quyền công dân thay cho chồng.*” Chị H nói rất to và một số cử tri xung quanh cũng đồng tình, cho rằng “*bạn đi làm không về được*” là lý do bất khả kháng, nên linh động.

Trong trường hợp này, yêu cầu “*bầu hộ*” của chị H có đúng pháp luật không? Tổ bầu cử có được phép phát 02 bộ phiếu cho chị H không? Nếu không, Tổ bầu cử phải giải thích và xử lý như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Nguyên tắc bầu cử ở Việt Nam là phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa

đổi, bổ sung năm 2025) đã cụ thể hóa nguyên tắc “*trực tiếp*” (tự mình bỏ phiếu) tại Điều 69:

1. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

2. Cử tri phải tự mình, đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

5. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

6. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

7. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

8. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Yêu cầu “*bầu hộ*” của chị H có đúng pháp luật không?

Yêu cầu của chị H là không đúng quy định của pháp luật. Hành vi bầu cử thay, bầu hộ là hành vi vi phạm nguyên tắc pháp luật về bầu cử. Pháp luật không coi lý do “*bận đi làm*”, “*đi công tác*”, “*đi du lịch*” là lý do chính đáng để ủy quyền lá phiếu. Quyền bầu cử là quyền nhân thân gắn liền với công dân, không thể ủy quyền.

- Tổ bầu cử có được phép phát 02 bộ phiếu không?

Tổ bầu cử (Tổ trưởng) chỉ được phát phiếu bầu khi cử tri (chính chủ) xuất trình Thẻ cử tri và ký tên (hoặc điểm chỉ) vào danh sách cử tri đã nhận phiếu. Việc phát 02 bộ phiếu cho chị H là vi phạm nghiệp vụ công tác bầu cử, làm sai lệch kết quả bầu cử (vì anh G không thực sự bỏ phiếu).

- Tổ bầu cử phải xử lý như thế nào?

Tổ trưởng Tổ bầu cử phải bình tĩnh, dứt khoát và giải thích rõ ràng cho chị H (và những người xung quanh) hiểu về nguyên tắc bầu cử, cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, việc bầu hộ là vi phạm pháp luật. Tiếp theo, Tổ bầu cử mời chị H vào khu vực nhận phiếu, đối chiếu Thẻ cử tri và căn cước công dân của *chị H*, phát 01 bộ phiếu bầu cho chị H và hướng dẫn chị H vào khu vực viết phiếu để thực hiện quyền bầu cử của cá nhân chị. Tổ bầu cử thông báo cho chị H: *“Trường hợp của anh G, vì anh ấy bận đi làm nên không thể thực hiện quyền bầu cử của mình trong ngày hôm nay. Tổ bầu cử không thể giải quyết cho chị bầu thay.”* Tổ bầu cử phải kiên quyết, ngay cả khi chị H gây áp lực. Nếu chị H không hợp tác, lực lượng an ninh có thể can thiệp để giữ trật tự. Trong danh sách cử tri, tại tên của anh G, Tổ bầu cử không tích (vì anh G không đi bầu). Khi tổng kết, anh G sẽ nằm trong số cử tri không tham gia bỏ phiếu.

TÌNH HUỐNG 22: Vận động bầu cử trái phép trong ngày bầu cử

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 9 (xã M). Ông Nguyễn Văn H là ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, có tên trong phiếu bầu tại khu vực này. Trong ngày bầu cử, bà Trần Thị K (là chị gái của ông H) và một số người nhà của ông H đứng ở khu vực cổng nhà văn hóa (cách phòng bỏ phiếu khoảng 20 mét). Khi thấy cử tri đi vào, bà K và nhóm người này liên tục chấp tay vái chào và nói: *“Nhờ các bác, các anh chị thương cháu H, bỏ phiếu cho cháu H, số thứ tự 4 ạ! Gia đình xin cảm ơn!”*. Một số cử tri cảm thấy khó chịu vì hành vi này. Một ứng cử viên khác (cùng đơn vị bầu cử với ông H) khi đi ngang qua phát hiện sự việc và đã phản ánh với Tổ trưởng Tổ bầu cử.

Trong trường hợp này, hành vi của bà K (người nhà ứng cử viên) có vi phạm pháp luật về bầu cử không? Tổ bầu cử và lực lượng bảo vệ trật tự phải xử lý sự việc này như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 64 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về thời gian tiến hành vận động bầu cử như sau: Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Theo quy định tại Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), việc vận động bầu cử phải kết thúc

trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ. (Tức là nếu 7 giờ sáng Chủ Nhật bầu cử, mọi hoạt động vận động phải chấm dứt từ 7 giờ sáng Thứ Bảy).

Hành vi của bà K rõ ràng là hành vi “*vận động bầu cử*” (kêu gọi, lôi kéo cử tri bỏ phiếu cho ứng cử viên cụ thể). Hành vi này diễn ra trong ngày bầu cử. Hơn nữa, hành vi này diễn ra tại khu vực công nhà văn hóa (cách phòng bỏ phiếu 20m). Khu vực này được coi là thuộc phạm vi “*khu vực bỏ phiếu*” hoặc “*nơi bỏ phiếu*”, nơi cần đảm bảo an ninh, trật tự và tính khách quan. Do vậy, dù bà K chỉ là người nhà, không phải bản thân ứng cử viên H, hành vi này vẫn là hành vi vận động bầu cử trái phép, vi phạm quy định của pháp luật.

Khi nhận được phản ánh, Tổ trưởng Tổ bầu cử và lực lượng An ninh (Công an xã, Dân quân) phải xử lý ngay lập tức, yêu cầu bà K và nhóm người nhà ông H chấm dứt ngay lập tức hành vi vận động bầu cử trái phép đồng thời yêu cầu bà K và nhóm người này rời khỏi khu vực bỏ phiếu (khuôn viên nhà văn hóa). Họ chỉ có thể quay lại với tư cách cử tri để bỏ phiếu, sau đó phải rời đi ngay. Nếu bà K và nhóm người này không chấp hành, cố tình gây rối, lực lượng an ninh có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để duy trì trật tự quy định. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập biên bản về sự việc vi phạm (ghi rõ thời gian, địa điểm, hành vi, người vi phạm) để báo cáo lên Ban Bầu cử và Ủy ban Bầu cử. Sự việc này (nếu nghiêm trọng) có thể ảnh hưởng đến tư cách của ứng cử viên H.

TÌNH HUỐNG 23: Xử lý sai sót khi danh sách cử tri còn tên người đã chết

Tình huống chi tiết:

Trước ngày bầu cử 35 ngày, Ủy ban nhân dân phường X niêm yết danh sách cử tri. Anh Trần Văn T (cư trú tại tổ dân phố 5) khi đi xem danh sách, phát hiện tên của bố mình là ông Trần Văn P vẫn có trong danh sách. Ông P đã mất cách đây 02 tháng và gia đình đã làm thủ tục khai tử, có Giấy chứng tử hợp lệ.

Anh T muốn biết trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường X trong việc rà soát danh sách này như thế nào? Anh T (công dân) cần làm gì để khiếu nại về sai sót này? Thủ tục xóa tên ông P khỏi danh sách cử tri được thực hiện ra sao?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 1 Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.

Điều 32 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc niêm yết danh sách cử tri: Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách

cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định quy định việc khiếu nại về danh sách cử tri như sau:

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh, sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân phường X có trách nhiệm lập danh sách cử tri chính xác. Việc ông P đã được khai tử (có Giấy chứng tử) tại phường 02 tháng trước mà tên vẫn có trong danh sách cho thấy sự phối hợp, rà soát, đối chiếu dữ liệu giữa bộ phận thực hiện công tác hộ tịch (quản lý khai tử) và bộ phận lập danh sách cử tri của phường X là chưa tốt, có sai sót nghiêm vụ.

Theo quy định, anh T có quyền khiếu nại về sai sót này. Anh T cần đến Ủy ban nhân dân phường X (gặp cán bộ phụ trách bầu cử hoặc cán bộ thực hiện nhiệm vụ tư pháp) và trình bày về việc sai sót (tên ông P vẫn còn) và cung cấp bằng chứng (bản sao Giấy chứng tử của ông P). Khiếu nại của anh T phải được Ủy ban nhân dân phường X tiếp nhận và ghi vào sổ theo dõi khiếu nại.

Căn cứ vào khiếu nại và Giấy chứng tử do anh T cung cấp (hoặc tự rà soát lại sổ khai tử của phường), Ủy ban nhân dân phường X xác định ông P thuộc trường hợp “*người đã chết*”. Theo quy định, Ủy ban nhân dân phường X phải ra quyết định (hoặc thực hiện nghiệp vụ) xóa tên ông Trần Văn P khỏi danh sách cử tri. Trong danh sách cử tri (bản niêm yết điều chỉnh và bản chính thức dùng trong ngày bầu cử), tại dòng của ông P, phải ghi chú rõ ở cột Ghi chú là “*Đã chết*”. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường X phải thông báo (bằng miệng hoặc văn bản) cho anh T biết về kết quả giải quyết (đã xóa tên ông P) trong thời hạn 05 ngày.

TÌNH HUỐNG 24: Quy trình “viết hộ” phiếu bầu cho cử tri khuyết tật (bị mù)

Tình huống chi tiết:

Bà Lê Thị M (80 tuổi) là cử tri tại khu vực bỏ phiếu số 6. Bà M bị hỏng cả hai mắt (mù), không thể tự đọc và tự viết phiếu bầu. Bà M đến phòng bỏ phiếu cùng con dâu là chị K (35 tuổi). Bà M trình bày với Tổ bầu cử rằng bà không thể tự viết phiếu và đề nghị chị K (con dâu) được vào buồng viết phiếu cùng bà M để “viết hộ” theo ý của bà.

Một thành viên Tổ bầu cử băn khoăn, cho rằng: Sợ “*mất bí mật*” khi có 2 người trong buồng viết phiếu; Không chắc chắn chị K có gạch đúng ý bà M hay không (có thể chị K gạch theo ý chị K). Thành viên đó đề nghị rằng một thành viên của Tổ bầu cử (là nữ) sẽ là người viết hộ cho bà M thay vì chị K.

Trong trường hợp này, yêu cầu của bà M (để con dâu viết hộ) có hợp pháp không? Bản khoản của thành viên Tổ bầu cử có đúng không? Quy trình “viết hộ” đúng luật để đảm bảo bí mật cho bà M là gì?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 3 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Yêu cầu của bà M để con dâu viết hộ có hợp pháp không?

Yêu cầu của bà M để con dâu viết hộ là hợp pháp. Luật chỉ quy định được “*nhờ người khác*”. “*Người khác*” ở đây là người mà cử tri (bà M) tin tưởng. Đó có thể là người thân (như chị K), hoặc một cử tri khác, hoặc thành viên Tổ bầu cử (nếu cử tri đề nghị). Pháp luật không cấm người thân viết hộ. Do đó, bà M có toàn quyền chỉ định chị K (người bà tin tưởng) viết hộ phiếu cho mình.

- Bản khoản của thành viên Tổ bầu cử:

+ Sợ mất bí mật (khi 2 người vào): Bản khoản này đúng, nhưng luật đã chấp nhận việc này để đảm bảo quyền bầu cử công dân. Vấn đề là người viết hộ (chị K) không được tiết lộ ra bên ngoài.

+ Không chắc K gạch đúng ý M: Bản khoản này cũng đúng (đây là rủi ro đạo đức). Tuy nhiên, luật trao quyền tự quyết cho cử tri. Bà M đã chọn tin tưởng chị K. Tổ bầu cử không thể can thiệp vào sự tin tưởng này.

+ Đề nghị thành viên Tổ viết hộ: Đây là một phương án, nhưng chỉ khi bà M đề nghị. Tổ bầu cử không được ép buộc bà M phải nhờ thành viên Tổ bầu cử, nếu bà M đã muốn nhờ con dâu mình.

- Quy trình “viết hộ” đúng luật (Tổ bầu cử phải hướng dẫn): Tổ trưởng Tổ bầu cử xác nhận bà M thuộc diện khuyết tật (mù), không tự viết được. Xác nhận bà M đề nghị chị K (con dâu) là người viết hộ. Tổ trưởng (hoặc thành viên) phải nói rõ với chị K (người viết hộ): *“Theo quy định, chị K (sau khi được bà M nhờ) có trách nhiệm gạch phiếu đúng theo ý chỉ của bà M và phải tuyệt đối giữ bí mật nội dung lá phiếu đó.”* Tổ bầu cử cho phép bà M và chị K cùng vào khu vực viết phiếu (buồng kín). Tại đây, bà M sẽ nói (nói thầm) cho chị K biết mình muốn bầu ai, gạch ai. Chị K thực hiện việc gạch phiếu theo đúng ý bà M (Tổ bầu cử không được cử người đứng kề kề giám sát, vì như vậy là vi phạm bí mật). Sau khi chị K gạch xong, chị K gấp phiếu lại và đưa cho bà M. Bà M tự mình cầm phiếu đó, tiến đến hòm phiếu và *“tự mình bỏ phiếu”*. Nếu bà M (do mù) không thể tự tìm đường đến hòm phiếu và tự bỏ vào hòm, bà M có thể nhờ chị K (hoặc nhờ thành viên Tổ bầu cử) bỏ hộ phiếu của mình vào hòm.

TÌNH HUỐNG 25: Xử lý Thẻ cử tri khi đã niêm yết nhưng cử tri bị mất

Tình huống chi tiết:

Tổ bầu cử số 5 (phường A) đã thực hiện việc phát Thẻ cử tri cho cử tri trong khu vực. Vào 10 giờ sáng ngày bầu cử, ông Trần Văn N đến phòng bỏ phiếu. Ông N không cầm theo Thẻ cử tri. Khi Tổ bầu cử hỏi, ông N trình bày: *“Tôi đã nhận được Thẻ cử tri cách đây 1 tuần, nhưng hôm qua dọn nhà bị thất lạc, tìm không thấy. Tên tôi chắc chắn có trong danh sách niêm yết. Đề nghị Tổ bầu cử kiểm tra và cho tôi bỏ phiếu.”* Một thành viên Tổ bầu cử (anh H) cho rằng: *“Theo nội quy, cử tri đi bầu phải xuất trình Thẻ cử tri. Ông N không có Thẻ thì không đủ điều kiện để nhận phiếu bầu.”*

Trong trường hợp này, quan điểm của anh H (không có Thẻ cử tri thì không được bầu) là đúng hay sai? Thẻ cử tri có giá trị pháp lý như thế nào? Tổ bầu cử phải xử lý trường hợp của ông N như thế nào cho đúng luật?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 1 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp là người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

Căn cứ quan trọng nhất là Danh sách cử tri. Quyền bầu cử của công dân được xác lập khi họ có tên trong Danh sách cử tri đã được niêm yết và công nhận.

Thẻ cử tri là một giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (hoặc Tổ bầu cử được ủy quyền) để xác nhận công dân đó có tên trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu. Nó không phải là lá phiếu, cũng không phải là căn cứ pháp lý duy nhất để xác định quyền bầu cử. Mục đích của Thẻ cử tri chủ yếu là để giúp Tổ bầu cử quản lý và kiểm soát nhanh chóng tại phòng bỏ phiếu (ví dụ: thu lại Thẻ cử tri khi phát phiếu để đánh dấu). Luật không quy định bắt buộc phải có Thẻ cử tri mới được bầu. Thực tiễn hướng dẫn nghiệp vụ của Hội đồng Bầu cử quốc gia qua các kỳ bầu cử đều nhấn mạnh: Danh sách cử tri mới là căn cứ pháp lý để cử tri thực hiện quyền bầu cử. Thẻ cử tri chỉ là giấy tờ phục vụ cho việc tổ chức bầu cử.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Quan điểm của anh H là đúng hay sai?

Quan điểm của anh H là sai. Quan điểm này tước đi quyền bầu cử hợp pháp của công dân (ông N) chỉ vì một lý do hành chính (mất Thẻ).

- Thẻ cử tri có giá trị pháp lý thế nào?

Thẻ cử tri chỉ là giấy tờ xác nhận việc cử tri có tên trong danh sách, giúp cho công tác nghiệp vụ của Tổ bầu cử được thuận tiện. Danh sách cử tri mới là căn cứ pháp lý gốc để quyết định ai được bỏ phiếu.

- Hướng xử lý đúng của Tổ bầu cử:

Khi ông N trình bày mất Thẻ cử tri, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải xử lý như sau: Yêu cầu ông N xuất trình giấy tờ tùy thân có ảnh; Thành viên Tổ bầu cử (phụ trách danh sách) nhận giấy tờ tùy thân của ông N, đối chiếu thông tin (Họ tên, ngày sinh, địa chỉ) với Danh sách cử tri (bản chính thức) mà Tổ đang giữ. Nếu thông tin trùng khớp (tên ông N có trong Danh sách cử tri), Tổ bầu cử xác nhận ông N có quyền bầu cử tại khu vực này. Tổ bầu cử tiến hành phát phiếu bầu cho ông N như bình thường. Tổ bầu cử yêu cầu ông N ký tên (hoặc điểm chỉ) vào cột “*Đã nhận phiếu*” trong Danh sách cử tri.

Vì ông N không có Thẻ cử tri để Tổ bầu cử thu lại, nên tại cột “*Ghi chú*”, Thư ký Tổ bầu cử phải ghi rõ: “*Mất Thẻ cử tri - Đã kiểm tra Căn cước công dân*”. (Việc ghi chú này cực kỳ quan trọng để khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử giải trình được lý do tại sao số phiếu phát ra (đã ký nhận) lại nhiều hơn số Thẻ cử tri thu về).

TÌNH HUỐNG 26: Xác định phiếu hợp lệ khi cử tri gạch tên ứng cử viên bằng mực đỏ

Tình huống chi tiết:

Khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử số 8 phát hiện một phiếu bầu (Hội đồng nhân dân cấp xã) có tình trạng như sau: Phiếu bầu này được bầu 03 trong 05 ứng cử viên. Cử tri dùng bút bi mực đỏ để gạch tên 02 ứng cử viên (gạch đúng số lượng, đúng quy

cách gạch chéo). Phiếu bầu không có vết ố, không viết thêm, không đánh dấu gì khác. Một thành viên Tổ bầu cử cho rằng phiếu này là không hợp lệ vì vi phạm quy định về màu mực. Người này cho rằng, theo quy định (thường là bất thành văn), cử tri chỉ được dùng bút bi mực xanh/đen, và buồng viết phiếu cũng chỉ trang bị bút màu xanh. Việc dùng mực đỏ là một dấu hiệu riêng.

Tổ trưởng Tổ bầu cử băn khoăn: Phiếu bầu gạch bằng mực đỏ (nhưng gạch đúng quy cách, không có dấu hiệu vi phạm khác) có bị coi là không hợp lệ không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:

- a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- c) Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

2. Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

Điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 quy định về nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu, trong đó quy định: Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong tình huống này, cử tri đã thực hiện đúng hành vi “*gạch*” (hành vi được hướng dẫn). Họ gạch tên 02 người, bầu 03 người (đúng số lượng). Ý chí của họ rất rõ ràng. Việc họ dùng mực đỏ (có thể do vô tình cầm theo bút đó, hoặc họ thích dùng mực đỏ) không làm thay đổi bản chất của hành vi “*gạch*”. Màu mực

không cấu thành dấu hiệu riêng nếu nó chỉ được dùng cho hành vi gạch phiếu hợp lệ. Như vậy, trong trường hợp này, phiếu bầu gạch bằng mực đỏ (nhưng đúng quy cách) là phiếu hợp lệ. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải giải thích rõ cho thành viên (đang bầu khoản) và người chứng kiến: *“Pháp luật không cấm màu mực khi gạch phiếu. Phiếu này gạch đúng số lượng, đúng quy cách, không viết thêm, không đánh dấu lạ. Đây là phiếu hợp lệ.”* Tổ bầu cử tiến hành kiểm đếm phiếu này (số phiếu cho 3 ứng cử viên được bầu) như mọi phiếu hợp lệ khác.

TÌNH HUỐNG 27: Xử lý khiếu nại về việc cán bộ Ủy ban nhân dân xã (là ứng cử viên Hội đồng nhân dân) tham gia Ban Bầu cử xã

Tình huống chi tiết:

Ông Nguyễn Văn A là cán bộ Ủy ban nhân dân xã K. Trong cuộc bầu cử sắp tới, ông A được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã K (khóa mới). Khi xã K thành lập Ban Bầu cử của xã, theo cơ cấu, ông A được phân công làm Phó Trưởng ban Ban Bầu cử. Một cử tri (ông B) làm đơn khiếu nại gửi lên Ủy ban Bầu cử tỉnh, cho rằng: *“Việc ông A vừa là ứng cử viên, vừa giữ chức vụ chủ chốt trong Ban Bầu cử xã là vi phạm nguyên tắc khách quan, bình đẳng. Ông A có thể lợi dụng chức vụ trong Ban Bầu cử để tác động, tạo lợi thế cho mình trong quá trình bầu cử.”*

Trong trường hợp này, khiếu nại của ông B có cơ sở pháp lý không? Pháp luật quy định như thế nào về việc người ứng cử tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 27 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử: Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử. Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Khiếu nại của ông B là chính đáng, phản ánh đúng tinh thần của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2025) và các văn bản chỉ đạo về công tác bầu cử. Việc ông A (ứng cử viên) làm Phó Trưởng ban Bầu cử xã K là vi phạm nguyên tắc khách quan, tạo ra sự nghi ngờ về “*lợi ích nhóm*”, “*lợi dụng chức vụ*” như ông B phản ánh, dù ông A có thể không cố ý làm vậy.

Ủy ban Bầu cử tỉnh khi nhận được khiếu nại phải xem xét ngay. Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và tỉnh, tỉnh phải chỉ đạo (hoặc yêu cầu) xã K đề nghị ông A rút tên khỏi danh sách thành viên Ban Bầu cử xã K. Xã K cử một thành viên khác (người không ứng cử) thay thế ông A tham gia Ban Bầu cử. Trường hợp ông A không có đơn xin rút thì yêu cầu cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử đó ra quyết định xóa tên ông A khỏi danh sách thành viên của Ban Bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

TÌNH HUỐNG 28: Xử lý việc ứng cử viên bị tố cáo sau khi đã trúng cử và được công nhận tư cách

Tình huống chi tiết:

Ông Lê Văn H trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh T. Ông H đã được Hội đồng nhân dân tỉnh T (tại kỳ họp thứ nhất) xác nhận tư cách đại biểu và đã tuyên thệ, tham gia hoạt động được 3 tháng. Sau 3 tháng, một công dân (bà Q) gửi đơn tố cáo đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh T, tố cáo ông H (trong thời gian làm Giám đốc Sở X trước khi bầu cử) đã có hành vi “*Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”. Cơ quan điều tra vào cuộc. Sau 02 tháng xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố bị can đối với ông Lê Văn H về tội danh như bà Q tố cáo.

Trong trường hợp này, khi ông H (đang là đại biểu Hội đồng nhân dân) bị khởi tố bị can: Cơ quan điều tra có được bắt tạm giam ông H không? Tư cách đại biểu của ông H sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 10 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định việc tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố;

...

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Cơ quan điều tra có được bắt tạm giam ông H không?

Cơ quan điều tra không được tự ý bắt tạm giam ông H. Mặc dù Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can (là hành vi tố tụng hình sự), nhưng ông H vẫn đang là đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo quy định của pháp luật, để được phép bắt tạm giam ông H, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải có văn bản (kèm theo Quyết định khởi tố, Lệnh bắt tạm giam) gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh T đề nghị xem xét, chấp thuận. Chỉ sau khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh T họp và ra Nghị quyết/Văn bản đồng ý (cho phép bắt tạm giam), Cơ quan điều tra mới được thi hành Lệnh bắt. (Trường hợp duy nhất được bắt ngay là ông H bị *bắt quả tang* khi đang nhận hối lộ, nhưng tình huống này là điều tra lại vụ việc cũ nên không phải là quả tang).

- Tư cách đại biểu của ông H bị xử lý thế nào?

Việc bị khởi tố mới chỉ là bước đầu. Tư cách đại biểu của ông H sẽ bị xử lý như sau:

+ Ngay sau khi có sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh T về việc khởi tố (hoặc bắt tạm giam), Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh T sẽ ra Quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với ông H để phục vụ điều tra.

+ Nếu Tòa án tuyên ông H không phạm tội (vô tội): Ông H được phục hồi quyền đại biểu.

+ Nếu Tòa án tuyên ông H có tội và bản án có hiệu lực pháp luật thì ông H đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ bản án có hiệu lực, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh T sẽ chuẩn bị hồ sơ, trình ra Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh T gần nhất để tiến hành thủ tục bãi nhiệm tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân của ông H.

TÌNH HUỐNG 29: Tổ chức bầu cử tại khu vực vừa bị thiên tai, mất điện toàn bộ

Tình huống chi tiết:

Xã H (tỉnh M) là một xã ven biển, vừa bị một trận lũ quét 03 ngày trước ngày bầu cử. Giao thông bị chia cắt tạm thời, và toàn bộ xã bị mất điện lưới quốc gia. Hệ thống loa truyền thanh của xã cũng bị hư hỏng. Tuy nhiên, các khu vực bỏ phiếu (tại nhà văn hóa các thôn) vẫn an toàn. Cử tri vẫn có thể đi lại (dù khó khăn). Đến ngày bầu cử (7 giờ sáng), xã H vẫn chưa có điện.

Trong trường hợp này, việc xã H mất điện và hệ thống loa truyền thanh bị hỏng có phải là lý do để hoãn ngày bầu cử tại xã H không? Tổ bầu cử (và chính quyền xã) phải tổ chức công tác bầu cử trong điều kiện không có điện như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 72 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì Ủy ban bầu cử trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, việc “*mất điện*”, “*hỏng loa*” là khó khăn rất lớn, nhưng chưa phải là lý do bất khả kháng đến mức không thể diễn ra bầu cử. Cử tri vẫn có thể đi lại, phòng bỏ phiếu vẫn an toàn. Hoạt động cốt lõi của bầu cử (phát phiếu, viết phiếu, bỏ phiếu) vẫn có thể diễn ra bình thường vào ban ngày. Do đó, đây không phải là lý do để hoãn ngày bầu cử. Ủy ban Bầu cử xã H phải quyết tâm tổ chức bầu cử đúng ngày.

Tổ bầu cử và chính quyền xã H phải áp dụng các biện pháp thủ công và linh hoạt:

- Về thông tin, tuyên truyền (thay loa đài): Phải sử dụng các phương thức “*đi từng ngõ, gõ từng nhà*”, huy động tối đa lực lượng đoàn viên, thanh niên, dân quân, công an xã... dùng loa tay (loa pin), hoặc đi xe máy, đi bộ đến từng cụm dân cư, từng nhà để thông báo, vận động cử tri đi bầu cử.

- Về tổ chức tại phòng bỏ phiếu (Không có điện): Phải tận dụng ánh sáng tự nhiên. Tổ bầu cử phải kê bàn ghế, hòm phiếu, buồng viết phiếu ở nơi sáng sủa nhất (gần cửa sổ, cửa chính). Đảm bảo cử tri (nhất là người già) đọc được phiếu. Buồng viết phiếu vẫn phải đảm bảo kín đáo. Nếu buồng viết phiếu bị tối, Tổ bầu cử có thể phát (hoặc cử tri tự dùng) đèn pin cá nhân, đèn sạc (nếu có) khi vào viết.

- Thông tin liên lạc: Vì mất điện, Tổ bầu cử, Ban Chỉ đạo xã phải sử dụng điện thoại di động (nếu còn sóng và pin), hoặc cử người chạy xe để báo cáo tình hình liên tục giữa các Tổ bầu cử và Ban Chỉ đạo xã.

- Về thời gian bỏ phiếu (Rất quan trọng): Vì không có điện, việc bỏ phiếu và kiểm phiếu vào buổi tối (sau 19:00) là cực kỳ khó khăn, dễ sai sót. Tổ bầu cử phải tích cực vận động, thông báo yêu cầu cử tri tập trung đi bầu sớm, cố gắng hoàn thành 100% cử tri đi bầu trước khi trời tối (ví dụ: trước 17:00). Nếu việc bầu cử vẫn phải kéo dài đến 19:00 (theo luật), Tổ bầu cử phải chuẩn bị phương án chiếu sáng dự phòng cho việc kiểm phiếu (Đèn măng-sông, đèn sạc tích điện, đèn pin, nến...). Tuyệt đối không kiểm phiếu trong điều kiện thiếu sáng. Tổ bầu cử có thể kiến nghị Ủy ban bầu cử cho phép kết thúc bỏ phiếu sớm hơn (ví dụ: 17:00) nếu 100% cử tri trong danh sách đã bỏ phiếu xong.

TÌNH HUỐNG 30: Xử lý phiếu bầu có nhiều hơn 01 con dấu của Tổ bầu cử

Tình huống chi tiết:

Khi Tổ bầu cử số 1 (xã A) tiến hành kiểm phiếu, phát hiện 01 phiếu bầu Đại biểu Quốc hội bị đóng 02 con dấu của Tổ bầu cử (đóng trùng lên nhau, hơi bị lệch). Tổ bầu cử nhớ lại nguyên nhân có thể do lúc phát phiếu, thành viên đóng dấu bị lỗi (dấu mờ hoặc dấu bị trượt) nên đã đóng thêm 01 dấu nữa cho rõ. Một thành viên cho rằng phiếu này là không hợp lệ vì không đúng mẫu quy định. Nếu công nhận phiếu này, có thể dẫn đến nghi ngờ Tổ bầu cử cố ý đánh dấu riêng vào phiếu.

Trong trường hợp này, phiếu bầu bị đóng 02 con dấu (hoặc 01 dấu mờ, 01 dấu rõ) của Tổ bầu cử có bị coi là không hợp lệ không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về phiếu bầu không hợp lệ như sau:

1. Những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:

- a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- c) Phiếu đề số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

2. Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, phiếu bầu vẫn là phiếu do Tổ bầu cử phát ra. Việc đóng 02 dấu là lỗi của Tổ bầu cử trong quá trình chuẩn bị phiếu, không phải là không theo mẫu quy định từ bên ngoài đưa vào. Hơn nữa, lỗi này (đóng 02 dấu) có thể xảy ra với nhiều phiếu chứ không phải 01 phiếu duy nhất. Cử tri đã nhận phiếu này (một cách hợp pháp từ Tổ bầu cử), đã gạch phiếu đúng quy cách, nếu chỉ vì lỗi kỹ thuật của Tổ bầu cử mà vô hiệu hóa lá phiếu (thể hiện ý chí) của cử tri thì đó là tước đi quyền bầu cử hợp pháp của họ.

Như vậy, phiếu bầu có 02 dấu của Tổ bầu cử (do lỗi nghiệp vụ) nhưng cử tri gạch phiếu hợp lệ thì phiếu đó là phiếu hợp lệ. Để xử lý trường hợp này, Tổ trưởng Tổ bầu cử giờ phiếu lên, xác nhận đây là lỗi kỹ thuật của Tổ bầu cử khi đóng dấu (ví dụ: đóng đè do mờ); Xác nhận phiếu này là hợp lệ (nếu các nội dung gạch phiếu khác là hợp lệ); Tiến hành kiểm đếm phiếu này bình thường; Khi lập biên bản, Tổ bầu cử nên ghi vào phần “*Ghi chú*” (hoặc Biên bản sự cố - nếu cần): “*Có 01 phiếu (hoặc X phiếu) bị đóng 02 dấu do lỗi nghiệp vụ, Tổ bầu cử đã thống nhất công nhận là phiếu hợp lệ.*” (Việc này để giải trình nếu cấp trên thắc mắc).

TÌNH HUỐNG 31: Trách nhiệm xác minh khiếu nại về quốc tịch của ứng cử viên

Tình huống chi tiết:

Ông H (Việt kiều) về Việt Nam sinh sống và làm doanh nhân. Ông H đã làm thủ tục và được Chủ tịch nước cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam. Ông H có 01 quốc tịch duy nhất là Việt Nam và có hộ khẩu thường trú tại phường X, thành phố Y. Trong cuộc bầu cử, ông H được hiệp thương giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Y. Sau Hội nghị Hiệp thương vòng 3 (đã chốt danh sách chính thức), Ủy ban Bầu cử thành phố Y nhận được đơn thư (có ký tên, địa chỉ rõ ràng) tố cáo rằng: “*Ông H vẫn còn giữ quốc tịch Pháp. Ông H có 2 quốc tịch.*”

Theo quy định Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, công dân ứng cử phải là người “*chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam*”. Nếu ông H có 2 quốc tịch thật thì không đủ điều kiện ứng cử.

Trong trường hợp này, trách nhiệm xác minh việc ông H có 01 hay 02 quốc tịch thuộc về cơ quan nào? Ủy ban Bầu cử thành phố Y phải làm gì?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định tiêu chuẩn của người ứng cử như sau:

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Luật tổ chức Quốc hội.

2. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

đ) Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;

e) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Khoản 1 Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị được thực hiện như sau:

a) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng;

b) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi tới Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban

bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định, cuối cùng;

c) Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nhận được theo thẩm quyền

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Mặc dù đã qua Hiệp thương vòng 3, nhưng đơn tố cáo này liên quan đến tiêu chuẩn quốc tịch. Ủy ban Bầu cử thành phố Y vẫn phải tiếp nhận và phối hợp giải quyết. Đây là trường hợp khẩn cấp, vì nếu kết luận muộn (sau ngày bầu cử) sẽ gây hậu quả pháp lý cực kỳ phức tạp nếu ông H trúng cử.

Ủy ban bầu cử thành phố Y không thể tự mình xác minh quốc tịch Pháp. Ủy ban bầu cử thành phố Y, với tư cách là cơ quan phụ trách bầu cử, phải lập tức thực hiện gửi ngay văn bản đến Công an thành phố Y đề nghị xác minh. Văn bản phải nêu rõ đây là trường hợp khẩn cấp phục vụ công tác bầu cử, đề nghị Công an thành phố Y (và các cơ quan liên quan) sử dụng các biện pháp nghiệp vụ, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao (nếu cần) để xác minh nhanh tính xác thực của tố cáo (Ông H có còn quốc tịch Pháp hay không). Đồng thời, Ủy ban bầu cử mời ông H lên làm việc, yêu cầu ông H giải trình về nội dung tố cáo và cung cấp các giấy tờ chứng minh mình chỉ có 01 quốc tịch (ví dụ: Quyết định cho trở lại quốc tịch, Giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài - nếu có).

Nếu kết luận ông H chỉ có 01 quốc tịch Việt Nam, Ủy ban bầu cử ra thông báo, bác bỏ đơn tố cáo. Ông H tiếp tục ứng cử bình thường. Nếu kết luận ông H vẫn có 02 quốc tịch, Ủy ban bầu cử thành phố Y (căn cứ vào kết luận của Công an) sẽ ra quyết định xóa tên ông H khỏi danh sách ứng cử viên chính thức.

TÌNH HUỐNG 32: Xác định quyền bầu cử của công dân vừa tròn 18 tuổi đúng vào ngày bầu cử

Tình huống chi tiết:

Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp được ấn định là Chủ Nhật, ngày 15/3/2026. Tại tổ dân phố X, phường Y đã tiến hành rà soát đề chuẩn bị cho công tác lập danh sách cử tri vào tháng 4, Tổ dân phố rà soát trường hợp em Nguyễn Văn A. Em A sinh ngày 15/3/2008. Tính đến 00:00 ngày 15/3/2026 (ngày bầu cử), em A vừa tròn 18 tuổi.

Cán bộ rà soát bản khoản: Luật quy định “*đủ mười tám tuổi trở lên*”. Vậy trường hợp em A sinh đúng vào ngày bầu cử (15/3) thì có được coi là “*đủ 18 tuổi*” vào ngày đó không? Tên của em A có được ghi vào danh sách cử tri để đi bầu cử không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định tuổi bầu cử và tuổi ứng cử như sau: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của Luật này.

Theo đó đủ x tuổi được hiểu là từ ngày sinh nhật thứ x của người ấy.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Theo quy định, em Nguyễn Văn A, có ngày sinh 15/3/2008, được tính là đủ 18 tuổi (tròn 18 tuổi) vào đúng ngày bầu cử (23/5/2026). Vì vậy khi Ủy ban nhân dân phường Y lập danh sách cử tri (tháng 4/2026), mặc dù tại thời điểm rà soát chuẩn bị lập danh sách em A chưa đủ 18 tuổi, nhưng cán bộ rà soát chuẩn bị cho công tác lập danh sách phải có trách nhiệm rà soát những công dân sẽ đủ 18 tuổi tính đến ngày bầu cử. Trường hợp của em A là trường hợp sẽ đủ 18 tuổi vào ngày bầu cử, do đó, Tổ công tác phải ghi tên em A vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu. Vào ngày bầu cử (23/5/2026), em A có đầy đủ quyền công dân để nhận phiếu bầu và thực hiện quyền bầu cử của mình.

TÌNH HUỐNG 33: Xử lý phiếu bầu của cử tri không biết chữ (mù chữ)

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 4 (xã K). Ông Triệu Văn P (60 tuổi) đến phòng bỏ phiếu. Ông P có tên trong danh sách cử tri. Khi nhận phiếu bầu, ông P trình bày với Tổ bầu cử rằng ông không biết chữ (không biết đọc, không biết viết), do đó ông không thể tự đọc tên ứng cử viên và không thể tự gạch phiếu được. Ông P đề nghị được nhờ con trai mình (anh T, 30 tuổi, cũng là cử tri đang có mặt) vào buồng viết phiếu để “*đọc hộ*” và “*gạch hộ*” theo ý của ông P.

Trong trường hợp này, Tổ bầu cử xử lý đề nghị của ông P như thế nào cho đúng quy định về “*viết hộ*” và đảm bảo bí mật?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Khoản 3 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Trường hợp của ông P “*không biết chữ*” rõ ràng thuộc diện “*không thể tự viết được phiếu bầu*”. Do đó, ông P có quyền nhờ người khác viết hộ.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Quyền được nhờ viết hộ: Ông P có quyền nhờ người khác viết hộ. Người được nhờ (anh T - con trai) là người do ông P tin tưởng và chỉ định. Tổ bầu cử phải tôn trọng sự lựa chọn này (trừ khi anh T cũng là ứng cử viên trong phiếu đó).

- Quy trình xử lý của Tổ bầu cử: Tổ bầu cử phải hỗ trợ ông P thực hiện quyền lợi này theo đúng quy trình: Tổ bầu cử xác nhận ông P không biết chữ và có đề nghị nhờ anh T (con trai) viết hộ. Tổ trưởng Tổ bầu cử (hoặc thành viên) mời ông P và anh T đến vị trí phù hợp (có thể là buồng viết phiếu), đồng thời hướng dẫn anh T: *“Theo quy định, vì bác P không biết chữ nên bác có quyền nhờ anh viết hộ. Anh có trách nhiệm phải đọc (nếu cần) và gạch phiếu theo đúng ý của bác P.”*. Tổ bầu cử đề nghị anh T: *“Anh cũng phải có trách nhiệm giữ bí mật tuyệt đối về lá phiếu của bác P. Anh không được gạch theo ý mình và không được tiết lộ nội dung này cho bất kỳ ai khác.”*

- Thực hiện cụ thể: Anh T và ông P vào buồng viết phiếu. Anh T sẽ đọc tên 05 ứng cử viên (ví dụ). Ông P sẽ nói (chỉ đạo) anh T gạch tên 02 người mà ông P không muốn bầu. Anh T dùng bút gạch tên 02 người đó theo đúng ý ông P. (Quy trình này đòi hỏi sự tin tưởng tuyệt đối giữa ông P và anh T).

- Tự mình bỏ phiếu: Sau khi gạch xong, anh T gấp phiếu lại và đưa cho ông P. Ông P (chính chủ) cầm lá phiếu của mình, tự đi đến hòm phiếu và *“tự mình bỏ phiếu”* vào hòm theo quy định.

TÌNH HUỐNG 34: Cử tri phát hiện tên mình bị sai sót (đệm, giới tính) trong danh sách niêm yết

Tình huống chi tiết:

Chị Nguyễn Thị Thu H (30 tuổi, phường A) đi xem danh sách cử tri niêm yết tại tổ dân phố. Chị H phát hiện thông tin của mình bị sai sót như sau: Trong Căn cước công dân: Nguyễn Thị Thu H, Giới tính: Nữ. Trong danh sách cử tri niêm yết: Nguyễn Văn H, Giới tính: Nam. (Tất cả các thông tin khác như Ngày tháng năm sinh, Số Căn cước công dân, địa chỉ thường trú đều trùng khớp). Chị H cho rằng đây là lỗi nghiêm trọng, có thể làm mất quyền bầu cử của chị và yêu cầu phải sửa lại.

Trong trường hợp này, sai sót này (sai tên đệm, sai giới tính) có làm mất quyền bầu cử của chị H không? Chị H và cơ quan lập danh sách (Ủy ban nhân dân phường A) phải làm thủ tục gì để điều chỉnh?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về việc khiếu nại về danh sách cử tri như sau:

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh, sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Sai sót này có làm mất quyền bầu cử không?

Quyền bầu cử của chị H được xác lập dựa trên việc chị là công dân Việt Nam, đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi và cư trú tại địa phương. Việc sai sót tên đệm và giới tính là lỗi nghiệp vụ. Vì các thông tin định danh quan trọng nhất (Số Căn cước công dân, ngày sinh, địa chỉ) vẫn khớp, nên có thể khẳng định người trong danh sách chính là chị H. Tuy nhiên, nếu không đính chính, sẽ gây khó khăn cho Tổ bầu cử khi đối chiếu vào ngày bầu cử (ví dụ: đối chiếu Căn cước công dân “*Nữ*” với danh sách “*Nam*”).

- Thủ tục điều chỉnh như thế nào?

Về phía chị H: Chị H thực hiện quyền khiếu nại. Chị H đến Ủy ban nhân dân phường A (gặp Tổ công tác lập danh sách hoặc cán bộ thực hiện công tác tư pháp - hộ tịch) và báo cáo về sai sót. Chị xuất trình Căn cước công dân, giấy tờ chứng minh liên quan (nếu cần) để làm bằng chứng đối chiếu.

Về phía Ủy ban nhân dân phường A: Phải tiếp nhận khiếu nại của chị H (ghi vào sổ). Đối chiếu ngay lập tức với Căn cước công dân của chị H và cơ sở dữ liệu gốc (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư). Nếu xác định đây là lỗi đánh máy thì tiến hành đính chính ngay lập tức vào danh sách cử tri (cả bản niêm yết và bản gốc). Cụ thể: Gạch tên “*Nguyễn Văn H - Nam*” và ghi lại cho đúng là “*Nguyễn Thị Thu H - Nữ*” (có ký xác nhận của người có thẩm quyền bên cạnh). Sau khi thực hiện, Ủy ban nhân dân phường thông báo kết quả giải quyết cho chị H theo quy định.

Nếu chị H không phát hiện ra, đến ngày bầu cử, Tổ bầu cử khi đối chiếu Căn cước công dân thấy sai lệch vẫn phải linh hoạt xử lý. Sau khi đối chiếu các thông tin khác (ngày sinh, số Căn cước công dân, địa chỉ) thấy khớp, Tổ bầu cử vẫn cho chị H bỏ phiếu và ghi chú vào cột “Ghi chú” của danh sách: “*Sai giới tính và tên đệm*”.

TÌNH HUỐNG 35: Xử lý phiếu bầu trong hòm phiếu phụ (bỏ phiếu tại nhà)

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 7 (phường A), Tổ bầu cử có 01 hòm phiếu phụ. Trong ngày, Tổ bầu cử (gồm 3 thành viên) đã mang hòm phiếu phụ này đến nhà 15 cử tri là người già yếu, bệnh tật không thể đến phòng bỏ phiếu. 15 cử tri này đã bỏ phiếu vào hòm phiếu phụ. Đến 16 giờ, hòm phiếu phụ được mang về phòng bỏ phiếu và được niêm phong, bảo quản.

Đúng 19 giờ 00, Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc bỏ phiếu. Khi chuẩn bị kiểm phiếu, Tổ trưởng (ông H) băn khoăn: Hòm phiếu phụ (chỉ có 15 phiếu) có được mở ra kiểm riêng không? Nếu kiểm riêng, thì bí mật của 15 cử tri này (đa số là người già) có thể bị lộ (Tổ bầu cử sẽ biết 15 người này bầu cho ai). Quy trình xử lý phiếu trong hòm phiếu phụ trước khi kiểm đếm chính thức là gì?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 1 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc bầu cử: Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Khoản 4 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

Khoản 6 Điều 23 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 quy định: Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người khuyết tật, ốm đau, già yếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ;

người đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) tại cơ sở cách ly hoặc nơi ở, nơi lưu trú của cử tri đang được cách ly; những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, nếu kiểm riêng 15 phiếu này, Tổ bầu cử (và người chứng kiến) sẽ biết chính xác kết quả của 15 cử tri này, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc bỏ phiếu kín. Vì vậy, để không vi phạm nguyên tắc này, hòm phiếu phụ không được mở ra để kiểm riêng

Tổ trưởng H phải điều hành quy trình kiểm phiếu như sau (sau khi đã kết thúc bỏ phiếu lúc 19:00):

- Kiểm tra niêm phong: Tổ bầu cử (trước sự chứng kiến của 2 cử tri) kiểm tra niêm phong của hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ. Xác nhận cả hai hòm đều nguyên vẹn.

- Mở hòm phiếu và trộn phiếu: Mở niêm phong và mở hòm phiếu chính. Đổ toàn bộ phiếu (ví dụ: 1.000 phiếu) từ hòm chính ra bàn kiểm phiếu. Mở niêm phong và mở hòm phiếu phụ. Đổ toàn bộ 15 phiếu từ hòm phụ ra. Trộn lẫn 15 phiếu từ hòm phụ vào 1.000 phiếu của hòm chính. (Tức là trộn toàn bộ 1.015 phiếu của từng loại lại với nhau). Bằng cách trộn lẫn phiếu từ hòm phụ vào hòm chính *trước khi* kiểm đếm, bí mật của 15 cử tri đi bầu bằng hòm phiếu phụ được đảm bảo tuyệt đối. Không ai có thể biết 15 phiếu đó gạch như thế nào.

- Kiểm đếm sơ bộ: Sau khi đã trộn lẫn, Tổ bầu cử tiến hành kiểm đếm tổng số phiếu thu về (1.015 phiếu). Đối chiếu với tổng số cử tri đã phát phiếu (Ví dụ: 1.000 người tại chỗ + 15 người tại nhà = 1.015 người).

- Phân loại và kiểm phiếu: Tổ bầu cử tiến hành phân loại phiếu hợp lệ, không hợp lệ và kiểm đếm phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số 1.015 lá phiếu đã được trộn lẫn.

TÌNH HUỐNG 36: Xử lý trường hợp có dấu hiệu “cưỡng ép”, “bỏ phiếu hột” tập thể tại khu công nghiệp

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 10 (gần khu nhà trọ công nhân). Vào 10 giờ sáng, có 01 người (là Tổ trưởng/Quản lý) dẫn đầu một nhóm khoảng 30 công nhân (nam, nữ) đến phòng bỏ phiếu.

Tổ bầu cử quan sát thấy các dấu hiệu bất thường: Người Quản lý cầm một tập Thẻ cử tri và Căn cước công dân của cả 30 người. Người Quản lý đứng ở bàn phát phiếu, nhận 30 bộ phiếu bầu (dù Tổ bầu cử yêu cầu từng người nhận) và phát cho từng công nhân. Người Quản lý liên tục chỉ đạo, yêu cầu công nhân vào buồng viết phiếu, và đứng ngay bên ngoài buồng viết phiếu giám sát. Nhiều công nhân tỏ ra lúng túng, không tự nhiên. Có dấu hiệu cho thấy họ đã bị dặn trước là phải bầu cho ứng cử viên X (là Giám đốc công ty của họ).

Trong trường hợp này, các dấu hiệu trên có vi phạm pháp luật bầu cử không? Tổ trưởng Tổ bầu cử và lực lượng an ninh phải can thiệp như thế nào để đảm bảo nguyên tắc “*trực tiếp*” và “*bỏ phiếu kín*”?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 1 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc bầu cử như sau: Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc bỏ phiếu như sau:

...

2. Cử tri phải tự mình, đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

...

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Các hành vi của Quản lý trong trường hợp này có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, có tổ chức, làm sai lệch ý chí của cử tri và phá vỡ nguyên tắc bầu cử.

Tổ trưởng Tổ bầu cử (với sự hỗ trợ của lực lượng An ninh) phải hành động ngay lập tức và kiên quyết: Yêu cầu người Quản lý dừng ngay việc phát phiếu (nếu đang phát) và yêu cầu trả lại các bộ phiếu chưa phát. Yêu cầu người Quản lý trả lại Thẻ cử tri và Căn cước công dân cho 30 công nhân. Yêu cầu người Quản lý rời khỏi khu vực phát phiếu và khu vực buồng viết phiếu. (Thông báo rõ hành vi giám sát của ông/bà ta là vi phạm pháp luật). Đồng thời Tổ bầu cử yêu cầu 30 công nhân xếp hàng theo đúng trật tự. Tổ bầu cử thực hiện lại quy trình từ đầu: Gọi từng công nhân lên, đối chiếu Căn cước công dân (do họ tự cầm), phát phiếu (họ tự nhận) và ký nhận vào danh sách. Tổ bầu cử (qua loa hoặc nhắc trực tiếp) thông báo cho 30 công nhân: *“Việc bỏ phiếu là bí mật và là quyền của mỗi người. Bà con vào buồng viết phiếu gạch theo đúng ý chí của mình, không ai được giám sát, không ai biết bà con bầu cho ai. Đây là quyền của bà con được pháp luật bảo vệ.”* Lực lượng an ninh đảm bảo người Quản lý (hoặc người lạ) không được lảng vảng, giám sát gần buồng viết phiếu. Sau khi 30 công nhân bỏ phiếu xong, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập biên bản sự việc vi phạm, ghi rõ họ tên người Quản lý, hành vi vi phạm (cầm hộ, phát hộ, giám sát), đồng thời Báo cáo ngay sự việc này cho Ban Bầu cử và Ủy ban Bầu cử xã/phường.

TÌNH HUỐNG 37: Tổ bầu cử quyết định kết thúc bỏ phiếu sớm vì 100% cử tri đã bỏ phiếu

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 2 (xã K). Danh sách cử tri của khu vực này có 750 cử tri (toàn bộ người dân trong xã). Do làm tốt công tác vận động, và vì đang mùa vụ, bà con tranh thủ đi sớm để còn ra đồng, đến 15 giờ 00 (3 giờ chiều) ngày bầu cử, Tổ bầu cử rà soát danh sách, ghi nhận: Tổng số cử tri trong danh sách: 750 người. Tổng số cử tri đã ký nhận phiếu và bỏ phiếu: 750 người. Tỷ lệ cử tri đi bầu: 100%. Tổ trưởng Tổ bầu cử (ông M) thấy rằng 100% cử tri đã bỏ phiếu xong. Ông M đề nghị Tổ bầu cử cho kết thúc bỏ phiếu ngay lúc 15 giờ 00 (thay vì chờ đến 19 giờ 00) để chuyển sang khâu kiểm phiếu cho sớm, vì trời có dấu hiệu mưa bão. Một thành viên bản khoán, cho rằng Luật quy định 19 giờ 00 mới được kết thúc, không được làm trái.

Trong trường hợp này, việc Tổ trưởng M muốn kết thúc bỏ phiếu sớm (lúc 15 giờ 00) vì 100% cử tri đã bỏ phiếu có đúng luật không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về thời gian bỏ phiếu:

1. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

2. Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

3. Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Theo quy định trên, trường hợp chưa hết thời gian bỏ phiếu theo quy định mà đã có 100% người trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử cũng không được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu trước thời điểm 07 giờ tối cùng ngày. Do đó, về nguyên tắc, các Tổ bầu cử, thành viên các Tổ bầu cử có thể vận động, tuyên truyền để cử tri tích cực tham gia bỏ phiếu, thực hiện quyền bầu cử của mình nhưng không được thúc giục, ép buộc cử tri phải đi bỏ phiếu sớm để kết thúc sớm việc bỏ phiếu.

Trong trường hợp này, nếu chưa đến 19 giờ 00, Tổ trưởng M cùng Tổ bầu cử đối soát lại danh sách cử tri (đã ký) với tổng số cử tri (750) một lần nữa cho tuyệt đối chính xác. Đến 19 giờ 00, sau khi tuyên bố kết thúc, Tổ bầu cử thực hiện ngay các bước niêm phong/mở hòm phiếu để chuyển sang khâu kiểm phiếu.

TÌNH HUỐNG 38: Xử lý trường hợp hai ứng cử viên bằng phiếu nhau ở cuối danh sách

Tình huống chi tiết:

Tại đơn vị bầu cử số 3 (xã K), đơn vị bầu cử này được ấn định bầu 03 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, có 05 ứng cử viên (A, B, C, D, E). Sau khi Ủy ban Bầu cử xã K tổng hợp biên bản kiểm phiếu, kết quả tại đơn vị bầu cử số 3 như sau (tất cả đều đạt trên 50% số phiếu hợp lệ): Ứng cử viên A: 25.000 phiếu (Trúng cử); Ứng cử viên B: 22.000 phiếu (Trúng cử); Ứng cử viên C: 18.500 phiếu; Ứng cử viên D: 18.500 phiếu; Ứng cử viên E: 16.000 phiếu, đã bầu được 02 người (A và B), suất đại biểu cuối cùng (thứ 3) có 02 ứng cử viên là C và D có số phiếu bằng nhau tuyệt đối.

Trong trường hợp này, Ủy ban bầu cử xã K phải xử lý như thế nào để xác định người trúng cử thứ 3? Có phải tổ chức bầu cử lại giữa C và D không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 78 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc xác định người trúng cử như sau:

1. Kết quả bầu cử được tính, trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai..

2. Người trúng cử phải là người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ.

3. Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn.

4. Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Điều 80 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về bầu cử lại như sau:

1. Trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp đó.

2. Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri.

3. Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định ngày bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

4. Trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong tình huống trên, theo quy định của pháp luật, người trúng cử thứ 3 sẽ là người nhiều tuổi hơn giữa ông C và ông D, không thực hiện bầu cử lại giữa ông C và ông D.

Ủy ban bầu cử xã K yêu cầu bộ phận Thư ký (hoặc Ban tổ chức) cung cấp Hồ sơ ứng cử chính thức của ông C và ông D (đã nộp từ khi hiệp thương) và thực hiện kiểm tra kỹ ngày, tháng, năm sinh của 02 ứng cử viên. Ví dụ 1: Ông C sinh ngày 10/10/1970 (56 tuổi). Ông D sinh ngày 05/03/1975 (51 tuổi). Kết luận 1: Ông C (người nhiều tuổi hơn) là người trúng cử. Ví dụ 2: Ông C sinh ngày 20/05/1970. Ông D sinh ngày 01/01/1970. Kết luận 2: Ông D (nhiều tuổi hơn, dù chỉ vài tháng) là người trúng cử. Ủy ban bầu cử xã K họp và ra Nghị quyết xác định kết quả. Khi công bố kết quả bầu cử, Ủy ban bầu cử xã K công bố: Ông A (25.000 phiếu), Ông B (22.000 phiếu) trúng cử. Công bố: *“Ông C và Ông D cùng đạt 18.500 phiếu. Căn cứ Điều 78 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử xác định ông [tên người nhiều tuổi hơn] là người trúng cử.”*

TÌNH HUỐNG 39: Xử lý phiếu bầu bị rách

Tình huống chi tiết:

Khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử số 9 (phường T) phát hiện 02 phiếu bầu Hội đồng nhân dân tỉnh có tình trạng bị rách: Phiếu 1: Bị rách một vết nhỏ ở góc dưới bên phải. Vết rách không liên quan đến tên ứng cử viên, không liên quan đến con dấu. Cử tri đã gạch phiếu hợp lệ. Phiếu 2: Bị rách một vết dài, xé ngang qua tên của 02 ứng cử viên, nhưng vẫn còn dính liền. Tuy nhiên, vết rách này làm cho việc xác định cử tri gạch hay không gạch 02 ứng cử viên này trở nên không rõ ràng (vết gạch có thể lẫn vào vết rách). Tổ bầu cử tranh cãi, không biết 02 phiếu này là hợp lệ hay không hợp lệ.

Trong hai trường hợp trên, phiếu nào là hợp lệ, phiếu nào không hợp lệ? Căn cứ xử lý là gì?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về phiếu bầu không hợp lệ như sau:

1. Những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:

- a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;

c) Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;

đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

2. Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Xử lý phiếu 1 (Rách góc nhỏ, không ảnh hưởng): Vết rách nhỏ, ở vị trí không quan trọng (góc phiếu), không ảnh hưởng đến con dấu, không ảnh hưởng đến tên ứng cử viên. Nội dung gạch phiếu của cử tri (ý chí) vẫn thể hiện rõ ràng, hợp lệ. Vết rách này có thể do sơ suất khi bỏ phiếu hoặc khi mở hòm. Phiếu này có thể được công nhận là hợp lệ. Tổ bầu cử công nhận là phiếu hợp lệ và kiểm đếm bình thường.

- Xử lý phiếu 2 (Rách ngang tên, không rõ ràng): Đây là trường hợp nghiêm trọng. Vết rách chạy ngang qua tên ứng cử viên, làm cho việc xác định “*gạch hay không gạch*” trở nên “*không rõ ràng*”. Cử tri, khi làm rách phiếu, có quyền đổi phiếu mới. Nếu họ không đổi mà cố tình bỏ vào, họ phải chấp nhận rủi ro phiếu bị vô hiệu. Phiếu này (rất có thể) bị công nhận là không hợp lệ. Khi kiểm đếm phiếu bầu, Tổ trưởng Tổ bầu cử giơ phiếu này lên và đưa ra để toàn Tổ bầu cử giải quyết. Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng, Thư ký và các ủy viên, với sự chứng kiến của 2 cử tri) sẽ cùng xem xét và biểu quyết (hoặc thống nhất). Nếu đa số Tổ bầu cử thống nhất rằng vết rách làm không thể xác định được ý chí của cử tri, quyết định phiếu này là không hợp lệ. Phiếu này được đưa vào tệp “*Phiếu không hợp lệ*”. Tổ bầu cử phải ghi rõ sự việc này (có 01 phiếu rách, không rõ ràng, Tổ đã thống nhất là không hợp lệ) vào biên bản kiểm phiếu.

TÌNH HUỐNG 40: Xử lý cử tri có tên trong danh sách nhưng bị phát hiện “*mất năng lực hành vi dân sự*” vào ngày bầu cử

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 1 (phường M). Danh sách cử tri đã được niêm yết và không có khiếu nại. Tên ông Nguyễn Văn T (50 tuổi) có trong danh sách. Vào 8 giờ sáng ngày bầu cử, ông T đến phòng bỏ phiếu. Cùng lúc đó, con trai ông T (anh H) chạy đến, mang theo Quyết định của Tòa án nhân dân (đã có hiệu lực pháp luật) tuyên bố ông T “*mất năng lực hành vi dân sự*” (do bệnh tâm thần). Quyết định này mới được Tòa ban hành 02 ngày trước (sau khi danh sách cử tri đã chốt). Gia đình anh H vừa nhận được bản án sáng nay. Anh H đề nghị Tổ bầu cử không cho ông T bỏ phiếu.

Trong trường hợp này, tên ông T vẫn còn trong danh sách. Tổ bầu cử phải xử lý tình huống này như thế nào? Có được phép xóa tên ông T và không phát phiếu không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri

1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định tại Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

...

5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Trong trường hợp này, ông T thuộc trường hợp không có quyền bầu cử. Quyết định của Tòa án có hiệu lực sau khi danh sách cử tri đã chốt, về mặt pháp lý, ông T đã bị mất quyền bầu cử ngay tại thời điểm Tòa án ra quyết định có hiệu lực, bất kể tên ông có trong danh sách hay không. Việc ông T (người mất năng lực hành vi) tự mình bỏ phiếu là không hợp pháp và lá phiếu đó không có giá trị. Vì vậy, Tổ bầu cử không được phát phiếu cho ông T.

Để xử lý trường hợp này, tạm thời Tổ bầu cử mời ông T và anh H ra khu vực riêng (tránh gây ồn ào). Tổ bầu cử yêu cầu anh H xuất trình Quyết định (bản chính hoặc bản sao có công chứng) của Tòa án và kiểm tra tính pháp lý của Quyết định (đã có hiệu lực chưa?). Nếu Quyết định là hợp lệ và đã có hiệu lực: Tổ bầu cử giải thích cho ông T (và anh H) rằng: *“Theo Quyết định này của Tòa án, ông T thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ quy định Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), ông T không còn đủ điều kiện để thực hiện quyền bầu cử.”* Vì vậy, Tổ bầu cử từ

chối phát phiếu cho ông T, phải ghi chú vào cột “*Ghi chú*” tại dòng của ông T: “*Mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định Tòa án - Không phát phiếu*”. (Tổ bầu cử không có quyền xóa tên, nhưng có quyền không phát phiếu dựa trên căn cứ pháp lý rõ ràng và phải ghi chú lại. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải báo cáo ngay sự việc lên Ban Bầu cử và Ủy ban Bầu cử phường M về trường hợp này. Tổ bầu cử tạm giữ một bản sao Quyết định của Tòa án (nếu anh H cung cấp được) để kẹp vào hồ sơ báo cáo sự cố.

TÌNH HUỐNG 41: Xung đột lợi ích trong Tổ bầu cử (Thành viên là người thân của ứng cử viên)

Tình huống chi tiết:

Tại xã M, trong đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, anh Nguyễn Văn H (Bí thư Đoàn xã) được giới thiệu ứng cử tại đơn vị bầu cử số 1 (gồm 3 thôn). Khi Ủy ban nhân dân xã M ra quyết định thành lập các Tổ bầu cử, bà Trần Thị P (là mẹ ruột của anh H) được cử làm thành viên Tổ bầu cử số 1 (cũng chính là đơn vị anh H ứng cử). Bà P là giáo viên nghỉ hưu, có uy tín và có kinh nghiệm tham gia các kỳ bầu cử trước. Một cử tri (ông T) phát hiện sự việc và làm đơn khiếu nại, cho rằng: “*Việc bà P là mẹ đẻ của ứng cử viên H mà lại tham gia Tổ bầu cử (nơi trực tiếp kiểm phiếu) là không khách quan, có thể dẫn đến xung đột lợi ích. Đề nghị đưa bà P ra khỏi Tổ bầu cử.*”

Trong trường hợp này, khiếu nại của ông T có cơ sở pháp lý không? Pháp luật quy định như thế nào về trường hợp này? Ủy ban bầu cử xã M phải xử lý thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 27 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử:

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử. Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Về mặt pháp lý: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) chỉ quy định cấm bản thân người ứng cử (anh H) làm thành viên Tổ bầu cử. Luật không có câu chữ nào rõ ràng cấm người thân (bà P) của người ứng cử làm thành viên Tổ bầu cử. Tuy nhiên, việc bà P là thành viên Tổ bầu cử, là người trực tiếp tham gia phát phiếu, quản lý hòm phiếu và nhất là trực tiếp kiểm phiếu (đếm phiếu cho con mình), dù bà P là người công tâm, vẫn sẽ tạo ra sự nghi ngờ, dị nghị trong cử tri và các ứng cử viên khác (về tính bình đẳng, khách quan).

Trong trường hợp này, Ủy ban bầu cử xã M phải thừa nhận khiếu nại của ông T là chính đáng, để đảm bảo tính minh bạch, khách quan tuyệt đối cho cuộc bầu cử và tránh khiếu nại, tố cáo phức tạp về sau, Ủy ban bầu cử xã M nên có sự điều chỉnh: Ủy ban nhân dân xã M ra quyết định điều chỉnh, điều chuyển bà P từ Tổ bầu cử số 1 (nơi anh H ứng cử) sang tham gia một Tổ bầu cử khác (ví dụ: Tổ bầu cử số 2, số 3) nơi anh H không ứng cử. Nếu không thể điều chuyển, thì ra quyết định cho bà P rút tên khỏi danh sách thành viên Tổ bầu cử và bổ sung người khác thay thế. Ủy ban bầu cử xã M phải có văn bản trả lời ông T, giải thích rõ về việc tiếp thu ý kiến và đã điều chuyển bà P để đảm bảo tính khách quan.

TÌNH HUỐNG 42: Quyền bầu cử của người vừa chấp hành xong án phạt tù (chưa xóa án tích)

Tình huống chi tiết:

Ông Nguyễn Văn S (40 tuổi) bị Tòa án tuyên phạt 5 năm tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 10/4, ông S chấp hành xong án phạt tù và trở về địa phương (phường X). Ngày 15/4 cùng năm đó, Ủy ban nhân dân phường X tiến hành lập danh sách cử tri để chuẩn bị cho ngày bầu cử 23/5. Tại thời điểm này, ông S mới ra tù và chưa được xóa án tích. Cán bộ thực hiện công tác Tư pháp phường X khi rà soát trường hợp ông S đã bắn khoăn. Cán bộ này nhớ rằng có quy định cấm “*người chưa được xóa án tích*” được ứng cử.

Trong trường hợp này, ông S (đã chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa được xóa án tích) có được ghi tên vào danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử hay không?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri:

1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án,

người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định.

3. Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc., nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Theo quy định trên, pháp luật quy định rất rõ 03 trường hợp công dân không có quyền bầu cử: Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Người đang phải chấp hành hình phạt tù; Người mất năng lực hành vi dân sự.

Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân:

1. Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

2. Người đang bị khởi tố bị can.

3. Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

4. Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.

5. Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Về quyền ứng cử: Ông S “*chưa được xóa án tích*”. Do đó, ông S thuộc trường hợp bị cấm ứng cử theo quy định.

- Về quyền bầu cử: Ông S đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/4. Tính đến ngày lập danh sách (15/4) và ngày bầu cử (23/5), ông S là người tự do, không còn “*đang chấp hành hình phạt tù*”. Pháp luật về bầu cử chỉ cấm người “*đang*” chấp hành án tù, chứ không cấm người “*đã*” chấp hành xong (kể cả khi chưa xóa án tích) thực hiện quyền bầu cử.

Cán bộ Tư pháp thực hiện công tác tư pháp phường X đã phân biệt rõ ràng: “*Chưa xóa án tích*” chỉ cấm ứng cử, không cấm bầu cử. Ủy ban nhân dân phường X phải ghi tên ông Nguyễn Văn S vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu theo nơi thường trú của ông, như mọi công dân bình thường khác. Vào ngày bầu cử, ông S có đầy đủ quyền nhận phiếu và bỏ phiếu.

TÌNH HUỐNG 43: Tổ bầu cử mở cửa phòng bỏ phiếu muộn (sau 7 giờ sáng) do thiên tai

Tình huống chi tiết:

Theo quy định, cuộc bỏ phiếu bắt đầu lúc 07 giờ 00 sáng Chủ Nhật. Tuy nhiên, tại khu vực bỏ phiếu số 5 (thuộc xã Y), đêm hôm trước và rạng sáng ngày bầu cử xảy ra một trận mưa lũ lớn. Đường vào thôn bị sạt lở nghiêm trọng, điện lưới bị cắt. Đến 07 giờ 00 sáng, chỉ có 02/05 thành viên Tổ bầu cử (là người trong thôn) có mặt tại Nhà văn hóa thôn (nơi bỏ phiếu). Tổ trưởng và Thư ký (là cán bộ xã ở trung tâm) bị tắc đường sạt lở, không thể vào được. Hòm phiếu và phiếu bầu vẫn được bảo quản an toàn tại nhà văn hóa (do 02 thành viên tại chỗ giữ). Đến 08 giờ 30 sáng, Tổ trưởng và Thư ký mới vào được đến nơi. Đã có khoảng 30 cử tri đến chờ từ 7 giờ. Đúng 08 giờ 45 phút, Tổ bầu cử mới làm lễ khai mạc và cho cử tri đầu tiên bỏ phiếu.

Trong trường hợp này, việc Tổ bầu cử bắt đầu bỏ phiếu muộn (8 giờ 45) so với quy định (7 giờ 00) có vi phạm pháp luật không? Sự cố này có làm cho kết quả bầu cử tại khu vực bỏ phiếu số 5 bị hủy bỏ không? Tổ bầu cử phải xử lý thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về thời gian bỏ phiếu:

1. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

2. Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

3. Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Điều 72 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc bỏ phiếu sớm, hoãn ngày bỏ phiếu: Trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì Ủy ban bầu cử trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Việc bắt đầu muộn có vi phạm không?

Việc bắt đầu lúc 8 giờ 45 là không đúng so với mốc thời gian chuẩn (7 giờ 00) mà Luật quy định. Tuy nhiên, đây là sự cố xảy ra vì lý do bất khả kháng (thiên tai, sạt lở), không phải lỗi chủ quan của Tổ bầu cử.

- Kết quả bầu cử có bị hủy không?

Kết quả bầu cử tại khu vực này không bị hủy bỏ nếu các quy trình khác (niêm phong hòm phiếu, phát phiếu, kiểm phiếu) vẫn đảm bảo đúng. Việc bắt đầu muộn do lý do bất khả kháng (đã được ghi nhận) không phải là căn cứ để hủy kết quả.

- Hướng xử lý của Tổ bầu cử: Ngay khi sự cố xảy ra (7 giờ 00 không thể khai mạc), 02 thành viên có mặt tại chỗ (và Tổ trưởng khi bị kẹt) phải tìm mọi cách báo cáo ngay cho Ban Bầu cử và Ủy ban bầu cử xã Y về sự cố bất khả kháng. Ngay khi Tổ trưởng có mặt (8 giờ 30), Tổ bầu cử phải lập Biên bản sự cố, ghi nhận rõ: Lý do (mưa lũ, sạt lở), thời gian Tổ trưởng có mặt, thời gian bắt đầu bỏ phiếu thực tế (8 giờ 45). Biên bản này có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký và 02 người chứng

kiến (nếu có). Vì cử tri bị mất 1 giờ 45 phút bỏ phiếu buổi sáng. Để đảm bảo quyền lợi cho cử tri, Tổ trưởng Tổ bầu cử (sau khi báo cáo và được Ủy ban bầu cử xã Y đồng ý) phải ra thông báo: *“Do sạt lở, cuộc bỏ phiếu bắt đầu muộn. Để đảm bảo đủ thời gian, Tổ bầu cử quyết định sẽ kết thúc bỏ phiếu muộn hơn, vào lúc 20 giờ 45 phút (tức 8:45 tối) thay vì 19 giờ 00.”* (Việc này hoàn toàn đúng quy định - cho phép kết thúc muộn đến 21 giờ 00). Tổ bầu cử gửi Biên bản sự cố kèm theo Biên bản kết quả kiểm phiếu lên Ủy ban bầu cử xã.

TÌNH HUỐNG 44: Xác định quyền bầu cử của tu sĩ (nhà sư) tại cơ sở tôn giáo (chùa)

Tình huống chi tiết:

Tại chùa P (phường K, thành phố H), có 50 vị tu sĩ (nhà sư) đang tu hành và sinh sống thường xuyên. Trong số này, có 30 vị đã làm thủ tục đăng ký thường trú (hộ khẩu) tại địa chỉ của chùa (thuộc phường K) theo đúng quy định của Luật Cư trú. 20 vị còn lại là các tăng ni trẻ từ các tỉnh khác về học, chỉ đăng ký tạm trú tại chùa được 06 tháng. Khi Ủy ban nhân dân phường K lập danh sách cử tri: Đối với 30 vị có hộ khẩu thường trú, phường K ghi tên họ vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi có chùa. Đối với 20 vị tạm trú 06 tháng, cán bộ phường băn khoăn, không biết có ghi tên họ vào danh sách không, và nếu có thì họ được bầu những cấp nào?

Trong trường hợp này, việc phường K lập danh sách cho 30 tu sĩ có hộ khẩu thường trú tại chùa là đúng hay sai? 20 tu sĩ tạm trú 06 tháng được xử lý như thế nào? Họ được nhận những loại phiếu bầu nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc lập danh sách cử tri:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Đối với 30 tu sĩ có hộ khẩu thường trú: Việc làm của phường K là hoàn toàn đúng. Các tu sĩ, khi đã đăng ký thường trú hợp pháp tại chùa (phường K), họ trở thành công dân thường trú của phường K, vì vậy họ phải được ghi tên vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu nơi chùa tọa lạc, giống như mọi người dân khác trong tổ dân phố. Khi đi bầu, 30 vị tu sĩ này sẽ được phát đầy đủ 03 loại phiếu bầu (ĐBQH, Hội đồng nhân dân thành phố H, và Hội đồng nhân dân phường K).

- Đối với 20 tu sĩ tạm trú 06 tháng: 20 tu sĩ này được coi là cử tri vắng lai, tạm trú ngắn hạn. Ủy ban nhân dân phường K phải hỏi nguyện vọng của 20 vị này (thông qua sư trụ trì). Nếu họ muốn bầu cử tại phường K: Ủy ban nhân dân phường K vẫn ghi tên họ vào danh sách cử tri. Ủy ban nhân dân phường K cấp cho họ Giấy chứng nhận để họ gửi về quê (nơi thường trú) yêu cầu xóa tên khỏi danh sách ở quê. Vì họ tạm trú dưới 12 tháng, 20 tu sĩ này sẽ chỉ được phát 02 loại phiếu bầu: Phiếu bầu Đại biểu Quốc hội và phiếu bầu Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố H (cấp tỉnh), họ sẽ không được phát phiếu bầu Hội đồng nhân dân phường K (cấp xã). Trong danh sách cử tri, tại cột “*Ghi chú*” của 20 vị này, phải ghi rõ: “*Thường trú < 12 tháng, chỉ bầu 2 cấp*”.

TÌNH HUỐNG 45: Xử lý trường hợp “*khuyết*” đại biểu Hội đồng nhân dân do đại biểu qua đời giữa nhiệm kỳ (Bầu cử bổ sung)

Tình huống chi tiết:

Hội đồng nhân dân tỉnh X có tổng số 60 đại biểu. Vào tháng 10 năm thứ hai nhiệm kỳ (sau khi Hội đồng nhân dân hoạt động được hơn 1 năm), ông Nguyễn Văn A (là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh X, trúng cử tại đơn vị bầu cử số 5) không may qua đời do tai nạn. Việc này làm cho đơn vị bầu cử số 5 bị khuyết 01 đại biểu so với số lượng ấn định. Một số cử tri tại đơn vị bầu cử số 5 đề nghị Ủy

ban Bầu cử tỉnh X phải tổ chức bầu cử lại tại đơn vị bầu cử số 5 để bầu 01 người khác thay thế ông A.

Trong trường hợp này, đề nghị của cử tri về việc tổ chức bầu cử thay thế (bầu cử bổ sung) có được thực hiện ngay không? Pháp luật quy định điều kiện để tổ chức “*bầu cử bổ sung*” như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 89 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc bầu cử bổ sung như sau:

1. Việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên mười phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

2. Việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ;

b) Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính hiện có có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

3. Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Ngày bầu cử bổ sung phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Điều kiện: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ: Ông A mất vào tháng 10 năm thứ hai nhiệm kỳ (đã qua khoảng 16 tháng). Thời gian còn lại là khoảng 44 tháng. Như vậy, điều kiện về thời gian còn lại của nhiệm kỳ thỏa mãn.

- Điều kiện: Tỷ lệ đại biểu bị khuyết: Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh X là 60. Số lượng đại biểu bị khuyết (ông A mất) là 01 người. Tỷ lệ khuyết = $(1 / 60) * 100\% = 1,67\%$. Như vậy điều kiện “*Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ*” là không thỏa mãn.

Như vậy, trong trường hợp này, đề nghị của cử tri không được thực hiện. Vì việc ông A qua đời (khuyết 01 đại biểu) không đáp ứng điều kiện về tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân thiếu theo quy định Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Ủy ban Bầu cử (hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân) tỉnh X phải trả lời cử tri, giải thích rõ quy định của pháp luật về nội dung này. Hội đồng nhân dân tỉnh X sẽ tiếp tục hoạt động với số lượng đại biểu thực tế là 59 người (khuyết 01). Đơn vị bầu cử số 5 sẽ chỉ còn lại số đại biểu (đã trúng cử) cho đến hết nhiệm kỳ. Sẽ không có cuộc bầu cử bổ sung nào được tổ chức chỉ để thay thế 01 đại biểu.

TÌNH HUỐNG 46: Quay phim, chụp ảnh khu vực viết phiếu bầu

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 5 (phường X). Cử tri K (thanh niên) đi vào phòng bỏ phiếu. Khi vào khu vực buồng viết phiếu (buồng kín), anh K rút điện thoại thông minh ra và thực hiện các hành vi: Chụp ảnh “*tự sướng*” (selfie) với lá phiếu; Chụp ảnh cận cảnh lá phiếu sau khi đã gạch xong (để lộ rõ việc bầu ai, gạch ai); Quay video toàn cảnh buồng viết phiếu và hòm phiếu, thậm chí quay cận cảnh gạch phiếu của cử tri khác, gây khó chịu, ảnh hưởng đến việc bầu cử. Một thành viên Tổ bầu cử (bà H) phát hiện anh K đang giơ điện thoại lên.

Trong trường hợp này, anh K đã vi phạm nguyên tắc và quy định nào của pháp luật bầu cử? Tổ trưởng Tổ bầu cử (và lực lượng an ninh) phải xử lý hành vi của anh K như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 1 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc bỏ phiếu:

1. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

2. Cử tri phải tự mình, đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri.

Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

5. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

6. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

7. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

8. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Khoản 8 Điều 16 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ bầu cử, trong đó: Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Nguyên tắc “*Bỏ phiếu kín*” trong bầu cử là nguyên tắc Hiến định. “*Kín*” có nghĩa là không ai (kể cả Tổ bầu cử) được biết cử tri bầu cho ai. Hành vi chụp ảnh lá phiếu đã gạch là làm lộ bí mật lá phiếu của chính mình.

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân không có quy định cụ thể về việc quay phim, chụp hình tại khu vực bỏ phiếu và phòng bỏ phiếu trong ngày bầu cử. Do đó, về cơ bản người dân có quyền quay phim, chụp hình trong quá trình mình tham gia thực hiện quyền bỏ phiếu bầu cử. Tuy nhiên, việc quay phim, chụp hình phải được thực hiện một cách có thiện chí, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử, không cản trở việc bỏ phiếu của cử tri khác và không vi phạm Nội quy phòng bỏ phiếu. Hành vi của K trong trường hợp này gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử, cản trở việc bỏ phiếu của cử tri khác.

Trong trường hợp này, Bà H (thành viên Tổ) hoặc Tổ trưởng phải yêu cầu anh K dừng ngay việc quay phim, chụp ảnh và cất điện thoại đi. Mời anh K ra khỏi khu vực buồng viết phiếu (đến bàn của Tổ bầu cử), yêu cầu anh K xóa toàn bộ các hình ảnh, video vừa chụp/quay (ảnh selfie, ảnh lá phiếu đã gạch, video quay cận

cảnh gạch phiếu của cử tri khác) ngay trước sự chứng kiến của Tổ bầu cử nhằm bảo đảm tính bảo mật của cuộc bầu cử. Sau khi anh K đã xóa xong và cắt điện thoại. Anh K được phép quay lại buồng viết phiếu (nếu chưa xong) hoặc tiến đến hòm phiếu để bỏ phiếu. Nếu anh K không hợp tác, từ chối xóa ảnh, hoặc có hành vi gây rối, Tổ trưởng Tổ bầu cử có quyền yêu cầu lực lượng An ninh (Công an, dân quân) can thiệp, mời anh K ra khỏi phòng bỏ phiếu.

TÌNH HUỐNG 47: Ứng cử viên vận động bằng cách “bôi nhọ”, nói xấu ứng cử viên khác

Tình huống chi tiết:

Tại Hội nghị tiếp xúc cử tri (do Mặt trận tổ quốc xã Y chủ trì) để vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, có 05 ứng cử viên (A, B, C, D, E) trình bày chương trình hành động. Ứng cử viên A (đương nhiệm) vừa trình bày xong. Đến lượt ứng cử viên B (là người tự ứng cử) lên phát biểu. Thay vì trình bày chương trình của mình, ông B dành phần lớn thời gian để công kích ông A: *“Tôi không hứa hẹn nhiều như ông A, vì tôi làm thật. Ông A là đại biểu đương nhiệm, nhưng nhiệm kỳ qua đã không làm được gì cho xã nhà... Tôi nghe cử tri phản ánh là ông A có dấu hiệu nâng đỡ con cháu trong cơ quan...”* Chủ tọa hội nghị (đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc) cảm thấy lúng túng trước phát biểu của ông B.

Trong trường hợp này, hành vi vận động bầu cử của ông B (công kích, nói xấu ông A) có vi phạm pháp luật không? Chủ tọa hội nghị (Ủy ban Mặt trận tổ quốc) phải xử lý tình huống này như thế nào ngay tại hội nghị?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 63 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nguyên tắc vận động bầu cử:

1. Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
2. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.
3. Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử:

1. Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

2. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

3. Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

4. Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Hành vi của ông B có vi phạm không?

Hành vi của ông B là hành vi vi phạm quy định về vận động bầu cử, trực tiếp làm tổn hại đến danh dự của ứng cử viên A. Đây là hành vi vận động không lành mạnh, phá vỡ nguyên tắc dân chủ, đúng pháp luật của buổi tiếp xúc cử tri.

- Hướng xử lý của Chủ tọa hội nghị (Ủy ban Mặt trận tổ quốc)

Chủ tọa (đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc) không được lúng túng mà phải thực hiện ngay việc tạm thời ngắt lời ông B, đồng thời nhắc nhở công khai trước hành vi vi phạm của ông B trước toàn thể hội nghị. Chủ tọa đề nghị ông B tập trung trình bày chương trình hành động của cá nhân mình nếu trúng cử. Đây không phải là diễn đàn để công kích, nhận xét cá nhân ứng cử viên khác. Đề nghị ông B tuân thủ quy định này. Nếu ông B vẫn cố tình tiếp tục, Chủ tọa có quyền cắt ngang và tuyên bố kết thúc phần trình bày của ông B vì vi phạm quy chế. Toàn bộ sự việc (phát biểu của ông B, sự can thiệp của Chủ tọa) phải được ghi trung thực vào Biên bản hội nghị tiếp xúc cử tri. Biên bản này là bằng chứng để Ủy ban Mặt trận tổ quốc và Ủy ban Bầu cử xã Y xem xét, có thể ra văn bản cảnh cáo ông B. Nếu tái phạm, ông B có thể bị xem xét xóa tên khỏi danh sách ứng cử.

TÌNH HUỐNG 48: Cử tri khiếu nại vì không tìm thấy tên mình, nhưng do người khác “xem hộ”

Tình huống chi tiết:

Bà Nguyễn Thị H (70 tuổi) là cán bộ hưu trí, có hộ khẩu thường trú tại phường K. Khi Ủy ban nhân dân phường K niêm yết danh sách cử tri, bà H bị ốm, không đi xem trực tiếp được. Bà H nhờ ông T (hàng xóm) đi xem hộ. Ông T ra nhà văn hóa xem, do mắt kém và danh sách dán cao, ông T tìm không kỹ và về báo với bà H là: “*Không có tên bà trong danh sách.*” Bà H rất bức xúc, gọi điện ngay lên đường dây nóng của Ủy ban bầu cử phường, khiếu nại gay gắt rằng “*phường làm việc tắc trách, bỏ sót tên cán bộ hưu trí*”. Tổ công tác lập danh sách cử tri của

phường K kiểm tra lại sổ gốc (danh sách gốc) thì thấy tên bà H vẫn có, nằm ở số thứ tự 150.

Trong trường hợp này, việc bà H khiếu nại (dựa trên thông tin “xem hộ” bị sai) có được coi là một khiếu nại hợp lệ không? Tổ công tác của phường K phải xử lý khiếu nại (qua điện thoại) của bà H như thế nào cho thấu tình, đạt lý?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc khiếu nại về danh sách cử tri:

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh, sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

- Khiếu nại của bà H có hợp lệ không?

Về mặt hình thức, bà H (công dân) tin rằng có “*sai sót*” (dù thực tế không sai) và bà thực hiện quyền khiếu nại (bằng miệng qua điện thoại) trong thời hạn quy định, đây được coi là khiếu nại hợp lệ. Ủy ban nhân dân phường K vẫn phải tiếp nhận khiếu nại này một cách nghiêm túc. Việc khiếu nại dựa trên thông tin sai không làm mất đi tính hợp lệ của hành vi khiếu nại. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước là phải giải quyết và làm rõ.

- Hướng xử lý của Tổ công tác (Ủy ban nhân dân phường K):

Tổ công tác không được bức bối hay xem nhẹ khiếu nại của bà H, mà phải xử lý theo đúng quy trình, đảm bảo sự tôn trọng cử tri: Đầu tiên, phải tiếp nhận cuộc gọi của bà H, ghi nhận thông tin (Họ tên, địa chỉ, nội dung khiếu nại), đồng thời trấn an bà H giữ bình tĩnh. Cán bộ lập tức tra cứu danh sách gốc (sổ cái, file máy tính), xác nhận: Tên bà H có trong danh sách, tại số thứ tự 150, khu vực bỏ phiếu X. (Như vậy, danh sách là đúng, không sai sót). Vì bà H ốm, Tổ công tác (hoặc Tổ trưởng tổ dân phố) có thể trực tiếp đến nhà bà H, mang theo bản danh sách (file in hoặc sổ) có tên bà H, giải thích cho bà H hiểu tên bà vẫn có đầy đủ trong danh sách cử tri. Có thể do bác T (hàng xóm) xem không kỹ nên báo nhầm cho bà, động viên bà H yên tâm chữa bệnh và chuẩn bị đi bầu cử. Nếu không đến được trực tiếp, Tổ công tác gọi điện thoại lại ngay cho bà H thông báo cho bà biết

kết quả rà soát, đề nghị bà có thể thông tin lại cho ông T (hàng xóm) để ông T đi xem lại cho chính xác.

Khiếu nại của công dân (dù đúng hay sai) đều phải được tiếp nhận và giải quyết, thông báo kết quả rõ ràng, đặc biệt là với các cử tri lớn tuổi, để đảm bảo lòng tin của nhân dân.

TÌNH HUỐNG 49: Cử tri cố tình “viết thêm” vào phiếu bầu

Tình huống chi tiết:

Khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử số 4 (phường M) phát hiện một phiếu bầu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có tình trạng như sau: Phiếu bầu có 05 ứng cử viên (A, B, C, D, E), được bầu 03 đại biểu. Cử tri này gạch tên 02 ứng cử viên (D, E), để lại 03 ứng cử viên (A, B, C). Tuy nhiên, ở khoảng trống cuối phiếu bầu, cử tri này dùng bút viết thêm một dòng: “*Tôi tin tưởng 3 ông A, B, C. Đề nghị các ông làm cho tốt!*” Một thành viên Tổ bầu cử cho rằng phiếu này vẫn hợp lệ, vì cử tri gạch đúng số lượng (bầu 3/5) và phần viết thêm chỉ là “*lời dặn dò*” với các đại biểu được bầu.

Trong trường hợp này, phiếu bầu có nội dung “*ghi thêm*” như trên được xác định là hợp lệ hay không hợp lệ? Vì sao?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về phiếu bầu không hợp lệ như sau:

1. Những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:

- a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- c) Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

2. Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Theo quy định, Luật không quan tâm nội dung viết thêm là gì (dù là bôi nhọ, hay khen ngợi, hay dặn dò). Bất kỳ ký tự, chữ viết, hay ký hiệu nào (ngoài hành vi

“gạch” tên ứng cử viên không bầu) được cử tri thêm vào phiếu bầu thành hành vi “*ghi thêm*”. Việc cấm này là tuyệt đối để đảm bảo tính đồng nhất, mọi lá phiếu phải giống hệt nhau về hình thức, chỉ khác nhau ở vết gạch và đảm bảo tính bí mật (chống đánh dấu), bởi nếu cho phép “*ghi thêm*”, kẻ xấu có thể lợi dụng (ép cử tri viết một câu nào đó) để nhận diện lá phiếu, từ đó phá vỡ nguyên tắc bỏ phiếu kín. Phiếu bầu chỉ là công cụ để cử tri thể hiện ý chí (chọn ai, gạch ai), không phải là nơi để cử tri bày tỏ tâm tư, nguyện vọng hay lời nhắn.

Như vậy, phiếu bầu của cử tri trong tình huống này là không hợp lệ. Khi kiểm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử giơ phiếu lên, xác nhận phiếu này là phiếu vi phạm quy định. Giải thích cho thành viên (đang bầu khoản) rằng pháp luật cấm mọi hành vi “*ghi thêm*” bất kể nội dung. Phiếu này được xếp vào tệp “*Phiếu bầu không hợp lệ*” (loại Hội đồng nhân dân tỉnh). Khi lập biên bản kiểm phiếu, số phiếu này được thống kê vào mục “*Tổng số phiếu không hợp lệ*”.

TÌNH HUỐNG 50: Xử lý hành vi đe dọa, cản trở cử tri tại phòng bỏ phiếu

Tình huống chi tiết:

Tại khu vực bỏ phiếu số 5 (phường K). Ông T là một người có tiếng “*anh chị*” tại địa phương, là người nhà của ứng cử viên Hội đồng nhân dân phường là ông X. Ông T (không phải thành viên Tổ bầu cử) đứng ở cửa phòng bỏ phiếu. Khi thấy các cử tri đi vào, ông T chặn một số người lại, ghé tai nói nhỏ: “*Liệu mà bầu cho ông X nhà tôi, không thì biết đấy!*” Một số cử tri lớn tuổi sợ hãi. Một cử tri (anh M) chứng kiến và đã bí mật báo cho lực lượng An ninh (Công an phường) đang làm nhiệm vụ tại đây.

Trong trường hợp này, hành vi của ông T vi phạm pháp luật nào? Tổ trưởng Tổ bầu cử và lực lượng An ninh phải xử lý ông T như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ pháp lý

Điều 95 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định xử lý vi phạm pháp luật về bầu cử như sau:

Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phân tích tình huống và hướng xử lý

Hành vi của ông T trong trường hợp này có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bầu cử

Khi nhận được tin báo (từ anh M), Tổ trưởng và lực lượng an ninh phải phối hợp tiếp cận ông T, yêu cầu ông T chấm dứt hành vi và mời ông T ra khỏi phòng bỏ phiếu, đến một khu vực riêng (ví dụ: phòng bảo vệ, phòng làm việc của Ban Chỉ đạo) để làm việc. Những hành động này cần hành động dứt khoát nhưng kín đáo để tránh gây hoang mang cho cử tri đang xếp hàng. Tại khu vực riêng, Tổ trưởng Tổ bầu cử và lực lượng an ninh lập Biên bản vi phạm, ghi rõ: Họ tên, địa chỉ ông T; Thời gian, địa điểm vi phạm; Mô tả hành vi vi phạm; Ghi lời khai của người tố cáo (anh M) và người bị hại (nếu họ dám khai). Tổ trưởng Tổ bầu cử và lực lượng an ninh giải thích cho ông T biết hành vi của ông là vi phạm pháp luật nghiêm trọng và yêu cầu ông T chấm dứt hoàn toàn hành vi vi phạm. Tùy mức độ vi phạm của ông T, nếu nhẹ: Cảnh cáo, yêu cầu ông T (nếu đã bỏ phiếu) rời khỏi khu vực bỏ phiếu, không được quay lại; nếu nghiêm trọng (có bằng chứng rõ ràng, nhiều người tố cáo): Lực lượng Công an có quyền tạm giữ hành chính ông T để ngăn chặn hành vi tiếp diễn và điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Tổ trưởng Tổ bầu cử báo cáo ngay sự việc lên Ủy ban bầu cử phường về hành vi vi phạm nghiêm trọng này.
